Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam (HT Thích Thiện Hoa)

Lịch sử Phật giáo

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam HT Thích Thiện Hoa

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam (Từ Lúc Mới Du Nhập Đến Hết Đời Nhà Lý)

A.-Mở Đề Trong thời Pháp thuộc, vì vận mệnh chung cả nước nhà đang suy đồi, lại bị văn hóa Tây phương và ngoại đạo lấn áp, nên Phật Giáo đối với phần đông dân tộc Việt nam như là một tôn giáo hạ đẳng, phụ thuộc, không có nghĩa lý gì. Nhưng vì nếu có ai đi sâu vào lịch sử Phật Giáo Việt-Nam theo dõi bước đi của sự truyền giáo qua các thời đại từ khi dân tộc Việt-Nam mới lập quốc đến ngày nay, thì sẽ thấy Phật Giáo giữ một địa vị quan trọng vô cùng trong công trình gây dựng văn hóa Việt-Nam. Có thể nói một cách không quá rằng: Văn hóa Việt- Nam một phần lớn là văn hóa Phật Giáo. Rút cái tánh chất Phật Giáo trong văn hóa Việt-Nam ra thì văn hóa ấy thật là nghèo nàn, nông cạn. Chính Thượng tọa Mật Thể, trong quyển " Việt- Nam Phật Giáo sử lược" đã nói rất đúng: "nhờ tinh thần sáng suốt của thể đạo, với công nghiệp

bố giáo của các tổ sư Phật Giáo rất có công to trên lịch sử văn hóa nước nhà". Ngày nay, để nhận chân đứng đắn cái vai trò quan trọng và sứ mệnh lịch sử của Phật Giáo nước nhà, cũng như để thêm tinh tưởng và phấn khởi mà tu học, để thừa tiếp cái tinh thần "Bi- Trí-Dũng" của đạo mà truyền lại cho các thế hệ về sau, chúng ta, Phật tử Việt-Nam cần phải biết rõ lịch sử Phật Giáo Việt-Nam. B.-Chánh Đề I.- Phật Giáo Du Nhập Vào Việt Nam 1.- Con đường du nhập.- Nước Việt-Nam ta nằm trên bán đảo Ấn Độ Chi na, giữa hai nước rộng lớn, hai dân tộc đông đảo nhất thế giới, hai nền văn minh sáng lạn của châu Á là Ấn Độ và Trung Hoa. Vì địa thế của nước Việt-Nam nằm ở giữa con đường biển đi Ấn Độ đến Trung Hoa , nên đã chịu ảnh hưởng nhiều của hai nền văn minh ấy . Riêng về Phật Giáo , thì sư du nhập vào Việt- Nam củng do cả hai con đường: đường biển từ phía Nam lên và đường bộ từ phía Bắc xuống.

Trong só bốn nhà truyền giáo đầu tiên đặt chân lên Việt-Nam, thì hết ba nhà sư là người Ấn Độ, đi đường thủy sang Trung Hoa truyền đạo và đã ghé tại Việt-Nam là các Ngài: Ma-Ha-Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội và Chi-Cương-Lương. Nhà truyền giáo thứ tư là người Trung Hoa, Ngài Mâu-Bác, đã đi đường bộ từ phía Bắc xuống. Đó là điều chứng minh rằng Phật Giáo vào Việt-Nam do cả đường thủy và đường bộ cả từ phía Nam lên và phía Bắc xuống. Nhưng vì nước ta bị Trung Hoa đô hộ ngót một ngàn năm và sau đó vẩn còn lệ thuộc vào văn hóa và chính trị nên về sau con đường truyền giáo từ Trung Hoa sang là con đường chính 2.- Thời đại du nhập đầu tiên. -Theo các sử gia đáng tin cậy, thì nhà thì nhà truyền-giáo đầu tiên đến Việt nam (lúc bấy giờ là đất Giao- Châu) là Ngài Mâu-Bác, người quận Thương Ngô tức là Ngô Châu (Trung Hoa bây giờ). Sau khi vua Hán Linh-Đế mất (189) nước Tàu thường loan lạc, Ngài theo mẹ qua ở Giao Châu và truyền bá đạo Phật.

Nhà truyền giáo thứ hai đặt chân lên đất Giao-Châu là Ngài Khương-Tăng-Hội, Ngài gốc Khương-Cư (Soadiane, Ấn Độ). Mục đích của Ngài là sang Trung Hoa, nhưng ông thân

của Ngài sang Giao-Châu buôn bán nên Ngài cũng theo đường Giao-Châu để sang Trung Hoa. Trung Hoa lúc ấy về đời Tam-Quốc, Ngài đến nước Đông-Ngô và được Ngô-Tôn-Quyền sùng mộ, xin quy-y với Ngài (229-252). Như thế là Ngài Khương-Tăg-Hội ghé lại Giao-Châu vào khoảng đầu thế kỷ thứ III, sau Tây lịch. Vào khoảng giữa thế kỷ thứ III đến cuối thế kỷ thứ III, đất Giao-Châu lại đón tiếp hai nhà sư Ấn Độ nữa là Ngài Ma-Ha-Kỳ-Vực và Chi- Cương-Lương, trên bước đường sang Trung Hoa truyền-giáo của các Ngài, vào đời nhà Tần (265-306). Như thế, có thể nói rằng: Đạo Phật du nhập đầu tiên sang Việt-Nam trong khoảng cuối thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ III, sau Tây lịch. 3.- Các môn phái du nhập.- Trong thời kỳ đầu tiên du nhập Việt-Nam, đạo Phật chỉ phớt qua trên đất nước, chưa có màu sắc riêng biệt và

dân chúng chỉ mới tiếp xúc với Đạo- Phật trong phương tiện thờ cúng lễ bái mà thôi. Phải đợi đến vài ba năm sau, đạo Phật mới thâm nhập dần vào dân chúng và do ảnh huởng của Phật Giáo Trung Hoa. Có một đều chúng ta ngạc nhiên là, mặc dù Phật Giáo Trung Hoa gồm mười tôn phái, mà chỉ có Thiền-Tôn là được truyền đi sang Việt-Nam trước nhất và mạnh mẽ nhất. Tôn này được truyền vào Việt- Nam trước hết do Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci) đưa sang (580). Ngài là đệ-tử được truyền tâm-pháp của Tam-tổ Tăng-Xán, và chính là sơ-tổ Thiền-Tôn ở Việt-Nam. Đến đời Dường (820) lại có Ngài Vô-ngôn- Thông ở Trung Hoa sang truyền giáo, lập thành phái Thiền-Tôn thứ hai; kế đó là các phái Thảo- Đường, Tào-động, Lâm-tế v.v.. lần lượt truyền sang Việt-Nam. Tóm lại, đạo Phật du nhập vào Việt-Nam, chỉ có Thiền-Tôn là gây ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả.

B.- Phật Giáo Dưới Thời Hậu Lý Nam Đế (571-602) Và Bắc Thuộc Lần Thứ Ba (603- 939) Từ khi Phật Giáo truyền vào Việt-Nam cho đến thời Tiền Lý Nam-Đế, kể cả trên ba năm (189-548) nhưng vẫn còn nằm trong thời kỳ phôi-thai chưa có gì đáng gọi là thạnh hành lắm. Đến thời Hậu Lý Nam-Đế (571-602) và Bắc thuộc lần thứ III (603-939) Phật Giáo mới bắt đầu bước vào thời thành đạt. 1.-Giai đoạn thứ nhất.- Sự truyền bá Thiền- Tôn của Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi ở Trung Hoa sang (580) đem Thiền-Tôn truyền bá vào, được người Việt-Nam hết sức sùng mộ. Do đó, lần đầu tiên nước Việt-Nam được biết đến ThiềnTôn và Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi chính là sơ-tổ phái Thiền-Tôn ở Việt-Nam. Sau Ngài Tỳ- Ni-Đa-Lưu-Chi có Ngài Pháp-Hiển là đệ tử của Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi nối nghiệp thầy, đem đạo Phật truyền sâu trong dân chúng. 2.-Giai đoạn thứ hai.- Ảnh hưởng của ba đoàn truyền giáo:

Đến đây, Phật Giáo Việt-Nam bắt đầu thịnh. Lúc bấy giờ nước ta đang lệ thuộc nhà Tùy, vua Cao-Tổ nhà Tùy , nghe nước ta đạo Phật đang phát-triển mạnh, nên vua ban cho các vị danh tăng ở nước ta năm hòm lễ vật, và sắc lịnh cho xây tháp ở ở chùa Pháp-Vân, chùa Trung-Khánh cùng các danh địa khác. Sau này Tùy mất ngôi (618) nhà Đường kế nghiệp, vua Đường-Cao-Tổ củng có ban cho An-Nam năm viên ngọc Xá-Lỵ và sắc dựng chùa xây tháp. Cũng trong giai đoạn này, những nhà truyền giáo Trung Hoa và Ấn Độ, thường mượn đường nước ta mà qua lạ. Trong khi đi ngang Việt- Nam các Ngài thường ghé lại ít lâu để thuyếtpháp, do đó chung ta cũng chịu được nhiều ảnh hưởng tốt. Trong số những doàn truyền giáo ấy, đang kể nhất là ba đoàn sau đây: a) -Đoàn thứ nhất:Gồm

có các Ngài Minh- Viễn pháp-sư, Huệ-Mạnh thiền-sư, và Vô-Hành thiền-sư, đều là người Trung Hoa. b) -Đoàn thứ hai: Gồm các Ngài Đàm-Nhuận pháp-sư, Trí-Hoàng pháp-sư, và Tăng-Già-Bạt-

Ma (Hai Ngài đều người Trung Hoa và Ngài sau người Tây-Trúc). c) -Đoàn thứ ba: Gồm sáu nhà sư Việt-Nam là các Ngài Vân-Kỳ thiền-sư, Mộc-Xoa-Đề-Bà, Khuy-Sung pháp-sư, Huệ-Diệm pháp-sư, Trí- Hành thiền-sư bốn Ngài đầu người Giao-Châu, hai Ngài sau người Ái-Châu (Thanh-Hóa, Nghệ- An bbay giờ). Các Ngài này đếu từ Việt-Nam đi sang cầu pháp ở Tây-Trúc và tịch, phần nhiều rất sớm, ở Ấn Độ hay Tích-lan. 3.- Giai đoạn thứ ba.- Sự truyền bá của phái Vô-Ngôn-Thông: Vào năm 820, nước ta lại được một vị caotăng thuộc phái Thiền-Tôn sang truyền giáo và lập thành một phái Thiền-Tôn thứ hai là Ngài Vô-Ngôn-Thông. Ngài họ Trịnh, quê ở Quảng-Châu. Lúc nhỏ Ngài đã mộ đạo, xuất gia tu học tại chùa Song- Lâm, đất Vũ-Châu (Triết-Giang). Tính Ngài điềm đạm, ít nói nhưng sự lý gì củng hiểu, nên người thời ấy gọi Ngài là Vô-Ngôn-Thông.

Một hôm Ngài đang ngồi lễ Phật, gặp một vị thiền-sư đến điểm-hóa cho Ngài và đưa Ngài di tìm đúc Mã-Tổ mà tham học. Nhưng đến Giang- Tây, Ngài nghe tin đức Mã-Tổ đã tịch rồi, nên Ngài đi đến xin tòng sư với tổ Bạch-Tượng thiên-sư. Một hôm trong buổi giảng, có vị học tăng hỏi Bạch-Tượng: Thế nào là pháp-môn của phái Đại-thừa? Tổ trả lời: Tâm địa nhược thông, huệ nhật tự chiếu (nghĩa là:nếu tâm địa thông rồi thì mặt trời huệ tự nhiên chiếu sáng). Nghe được mấy câu ấy, Ngài Vô-Ngôn- Thông liền ngọ đạo. Ngài trở về Quảng-Châu, trụ trì tại chùa An-Hòa. Đến năm 820, Ngài qua Việt-Nam trú ở chùa Kiến-Sơ, làng Phù-Đổng (Bắc Ninh) trọn ngày ngồi xây mặt vào vách mà thiền định. Như thế đã mấy năm mà không ai biết; chỉ có vị sư ở chùa ấy là Cảm-Thành thiền-sư biết Ngài là bậc Cao-tăng đắc đạo trông phái Thiền-Tôn, nên hết lòng kính trọng và thờ

làm thầy. Ngài thị-tịch một cách rất an nhiên tựtại, vào năm 826 Tây lịch, sau khi truyền tâm ấn cho Ngài Cảm-Thành thiền-sư Ngài Cảm-Thành thiền-sư lại truyền tâm-ấn cho Ngài Thiện-Hội và gây thành một truyền thống cho phái Vô-Ngôn-Thông (Chúng ta sẽ học tiếp trong các dời vua sau). Tóm lại, trong khoảng thời gian gần bốn trăm năm, từ đời Hậu Lý Nam-Đế (571-602) cho đến hết thời ký Bắc thuộc lần thứ ba (603-939), sự truyền giáo ở Việt-Nam có thể chia làm ba giai đoạc: giai đoạn thứ nhất, do công đức của phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi; giai đoạn thứ hai, do các đoàn truyền giáo Trung Hoa vá Việt-Nam, và sự khuyến khích ủng hộ của các đời vua Tùy và Đường; giai đoạn thứ ba, do phái Vô-Ngôn- Thông. III.- Phật Giáo Dưới Thời Đinh Và Tiền Lê (968-1009) 1.- Tình trạng tổng quát của Phật Giáo trong hai đời Đinh, Lê:

Trong hai đời vua nầy, đạo Phật được tiến phát rất nhiều. Có thể nói Đạo Phật trở thành độc tôn. Tất cả văn hóa, chính trị trong nước, một phần lớn đều thuộc về tăng-sĩ, cho nên Đạo Phật được phổ biến dễ dàng trong quần chúng. Mặc dù Nho-giáo và Lão giáo đã truyền vào từ lâu, nhưng không làm sao có uy thế được như Phật Giáo. Trong triều chính thì Ngài Ngô- Châu-Lưu làm đến chức Khuông-Việt thái-sư; trong giới tăng-sĩ thì Ngài Trương Ma-Ni làm Tăng-lục đạo sĩ và pháp-sư Đặng Huyền Quang làm Sùng-Chân uy-nghi. Sau khi nhà Đinh mất ngôi, Lê-Đại-Hành lên kế vị, chóng lại quân

nhà Tống (980) và được thăng lợi. Trong giai đoạn này, các vị tăng-sĩ lại được biệt đãi hơn; vua Lê-Đại-Hành thường triệu thỉnh các vị Tăng-thống vào triều để bàn hỏi việc nước và khuyến khích việc truyền bá Phật-pháp. Đều đáng chú ý trong giai đoạn này là, sau khi đã hòa với nhà Tống, vua Đại-Hành sai sứ sang triều cống nhà Tống và xin thỉnh bộ "Cữu kinh" và "Đại tạng kinh" đem về truyền bá. Đây

là lần đầu tiên nước tăng-sĩ công khai sang thỉnh kinh ở Trung Hoa về. Một điều đáng ghi nhớ nữa là trong giai đoạn này, trong giới tăng-sĩ có hai vị cao-tăng xuất chúng đã làm vẽ vang cho nước nhà một thời. Đó là Ngài Khuông-Việt thái-sư và Ngài Đổ- Thuận thiền-sư. 2.-Khuôn việt thái-sư:- Ngài họ Ngô pháp hiệu là Chân-Lưu, quê ở làng Cát-Ly, trụ trì chùa Phật-Đà. Thuở nhỏ Ngài theo học Nho, lớn lên thọ giới ở Vân-phong thiền-sư ở chùa Khai- Quốc. Từ đó Ngài chuyên đọc kinh điển nhà Phật, hiểu được mọi lẽ cốt yếu của Thiền-Tôn, tiếng tăm lừng lẫy trong nước. Năm Ngài 40 tuổi, vua Đinh-tiên- hoàng vời vào hỏi đạo, Ngài ứng đối tinh tường, vua rất mến phục và phong làm Tăng-Thống. Năm sau vua lại phong Ngài làm Khuông-Việt thái-sư (Khuông Việt là người có công giúp đở sửa sang người Việt). Đến đời vua Lê-Đại-Hành, Ngài càng được kính trọng hơn nữa. Bao nhiêu việc quan, việc nước, vua thường triệu Ngài đến hỏi. Ngài ở triều được ít lâu rồi lấy cớ già yếu xin cáo vê,

dựng một ngôi chùa ở núi Du-hý. Ơí đó, Ngài mở trường dạy hạc, học trò đến rất đông.
Ngày rằm tháng hai, niên hiệu Thuận-Thiên thứ hai đời nhà Lý, Ngài gọi Đa-Bảo thiền-sư là đệ tử thân tín của Ngài đến, truyền tâm pháp qua bài kệ sau đây, rồi chắp tay an-nhiên thịtịch.
Nguyên văn
Mộc trung nguyên hữu hoa,
Nguyên hỏa phục hoàn sinh,
Nhược vị một vô hỏa,
Toản toại hà do sinh?
Dịch nghĩa:
Trong cây vốn có lữa,
Tia lữa mới sáng lòa,
Nếu bảo cây không có lữa,
Cọ sát sao lại ra?
Ngài thọ được 81 tuổi, và là người thứ tư được truyền tâm pháp của phái Vô-Ngôn-Thông.
3.-Đỗ-Thuận Thiền-sư:
Ngài dòng họ Đỗ, không rõ nguyên quán ở đâu, xuất-gia từ thuở nhỏ, thọ-giới với Long-Thọ Phù-Trì thiền-sư. Khi nhà Tiên Lê mới thành nghiệp, Ngài thường được vời vào triều để bàn luận chính trị và ngoại-giao. Vua Đại- Hành thường gọi là Đỗ pháp-sư, chứ không dám gọi chính tên. Ngài làm thơ rất hay, và thường được cử ra để đối đáp với các sứ-giả Trung Hoa. Niên hiệu Hưng-Thống thư hai nhà Tiền-Lê, Ngài thị-tịch, thọ được 76 tuổi. Ngài có làm quyển "Bồ Tát hiệu sám-hối văn", nay truyền lại. Ngài là đời

pháp truyền-thống thứ mười của phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi. 4.- Nhận xét chung về Phật Giáo trong giai đoạn này: Phật Giáo đời Đinh-Tiên-Hoàng và Tiền-Lê, sở dĩ được ưu đãi và giữ địa vị độc-tôn, vì những lý do sau đây: các vị tăng-sĩ phần nhiều là nhưng xvị bác học thâm Nho. Chữ Nho mặc dù trước đó đã được đem dạy ở đất Việt, nhưng vì chưa có khoa thi cử, nên ít người theo học. Chỉ có các vị thiền-sư, vì cần nghiên cứu Phật Giáo qua kinh điển bằng chữ Hán, nên phỉ học

nho nhiều. Những vị sư lúc bấy giờ, vừa túc Nho, vừa hiểu đạo lý mà vừa có đức hạnh, thì lẽ dĩ nhiên trong triều được vua trọng vọng, ngoài dân chúng được kính nể. Đạo Phật được thạnh hành trong giai đọan này cũng không có gì đáng ngạc nhiên. IV.- Phật Giáo Dưới Thời Nhà Lý (1010- 1225). 1.- Dưới đời Lý-Thái-Tổ: a.-Vua Lý-Thái-Tổ và tình hình Phật Giáo dưới đời nầy (1010-1028). Vua Lý- Thái Tổ tên húy là Lý-Công-Uẩn ,con nuôi của sư Lý -Khánh- Vân ở chùa cổ pháp, thọ giáo với Ngài Vạn Hạnh- Thiền- Sư .Sau khi vua Lê Ngọa-Triều mất, Ngài mới lên ngôi kế vị,lây hiệu Thuận -Thiên đóng đô ở Thăng Long(Hà Nội). Lý-Thái -Tổ là một Phật tư thuần thành, nên sau khi lên ngôi, Ngài hết sức chú trọng đến sự truyền -bá Phật Giáo.Ngài đã dưng rất nhiều ngôi chùavà độ rất nhiều tăng chúng .Đáng chú ý hơn cả là năm 1019, Ngài sai sứ thần sang Trung Hoathỉnh kinh đem về để tại kinh viện Đại-Hưng.

Triều đại này có thể nói là triều đại mà Phật Giáo được thịnh đạt nhất. Các vị thiền sư lúc bấy giờ như Ngài Vạn-Hạnh, Đa-Bảo, Sùng- Phạm thiền- sư đều là những bậc danh tăng mà nhà vua rất tín trọng. Cho nên sự truyền giáo của các Ngài rất dễ dàng có hiệu quả.Những vị danh tăng này đều ở hai pháiTỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô- Ngôn-Thông cả. b)Vạn- Hạnh Thiền-Sư: Ngài họ nguyễn, không rõ tên húy là gì, người làng Cổ-Pháp. Gia -đình Ngài đời đời thờ Phật, Ngài thông minh xuất chúng từ thuở nhỏ, học hết tam giáo và tinh thông về giáo lý nhà Phật. Năm 20 tuổi Ngài xuất- gia, theo học với Ngài Thiền-Ông đạo giả, tức là vị thư hai được truyền tâm phap của phái Tỳ -Ni- Đa-Lưu -Chi . Ngài chuyên tập phap "Tỏng-trì -tam-ma -địa". Người đời thường xem câu nói của Ngài như những câu sấm. Trong thời vua Đại-Hành còn sống, Ngài được vời vào triều hỏi việc quan. Năm Thuận-Thiên thứ IX (1018) Ngài không đau ốm gì mà tịch. Thi hài Ngài được triều đình

và các đệ tử của Ngài hỏa táng và thờ ở trong tháp. Trước khi tịch Ngài có làm bài kệ như sau: Nguyên văn: Thân như điện ảnh hữu tòan vô. Vạn một xuân vinh thu tựu khô. Nhậm vận thịnh suy vô bổ úy. Thịnh suy nhưlộ thảo đầu phô. Dịch nghĩa: Thân như bông chớp chiều tà. Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời. Sá chi suy thịnh việc đời. Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành. 2.- Dưới đời Lý Thái Tôn (1028-1054): a.-Tình hình Phật Giáo dưới đời vua này: Lý Thái Tôn nối ngôi Thái Tổ, lấy niên hiệu Thiên Thành. Ngài cũng là người rất sùng mộ đạo Phật. Sau khi đánh dẹp giặc chiêm ở đất Hòang Châu (nghệ An) về, Thái Tôn sắc lập 95 ngôi chùa cử lễ khánh thành, hạ chiếu miễn thuế cho dân trong nước một năm. Đến năm 1034, Thái Tôn đổi niên hiệu là Thông Thụy, lúc bấy giờ nước Việt-Nam được nhà Tống ban Đại

tạng kinh và tự sai sứ thỉnh qua nước ta. Hành động ấy gây một ảnh hưởng khả quan cho Phật Giáo nước nhà, và một vinh dự cho triều đình nhà Lý lúc bấy giờ. Từ lúc nhận

lãnh Đại tạng kinh của nhà Tống, vua Thái Tôn thường đến nghe kinh và hỏi đạo với Ngài Thiền Lão thiền sư và tự xưng là đệ tử. Về sau vua được Ngài Thiền Lão truyền tâm pháp là người thứ bảy trong đời truyền thống của phái Vô Ngôn Thông. Dưới đời này có nhiều vị cao tăng rất có công trong sự truyền bá chính pháp, như ngài Huệ Linh thiền sư, Định Lương trưởng lão, Thiền Lão thiền sư v.v.. . b.-Huệ Linh thiền sư: Ngài họ Lâm, tên tục là khu, quê ở Đông phù liệt , nguyên là con cháu Lâm Phú ở Trà Sơn (Hà Đông bây giờ). Ngài có tướng mạo hôi ngô, ăn nói lưu loát, từ nhỏ đã nổi tiếng văn hay chữ tốt. Những khi họ nho còn thừa thời giờ, ngài lại nghiên cứu kinh Phật. Gần 70 tuổi Ngài theo học đạo với Ngài Đinh Huệ thiền-sư . từ đó sự tu học của Ngài càng ngày càng tiến. Khi được

sư phụ truyền tâm pháp cho, Ngài mới đi hành hóa khắp chốn tùng lâm, rồi đến núi Bồ đề. Mỗi lần Ngài ngồi nhập định ít nhất cũng năm bảy ngày. Người đời bấy giờ thường gọi Ngài là ông "Phật sống". Nhà vua cho người đi thỉnh Ngài nhiều phen, Ngài mới chịu về triều. Sau khi đàm đạo vua rất kính phục và phong Ngài làm chức Nội cung phụ tăng và truyền sắc ở chùa Vạn Tuệ gần thành Thăng Long. Một hôm trong đại nội có thuết việc chay đãi các tăng sĩ, vua hỏi: - Đối với tâm nguyện của Phật, các học giả thường cãi nhau. Trẫm muốn các bậc thượng đức ở đây, bày tỏ chỗ sỡ đắc, để Trẫm được biết sự học vấn của các Ngài như thế nào? Huệ Linh Thiền sư liền ứng khẩu bài kệ sau đây: Nguyên văn: Pháp bổn như vô Pháp Phi hữu diệc phi không Nhược nhơn tri thử pháp Chúng sinh giữ Phật đồng Tịch tịch Lăng Già nguyệt Không không độ hải châu

Tri không không giác hữu Tam muội nhậm thông châu. Dịch nghĩa: Pháp vốn như không pháp Chẳng có cũng chẳng không Nếu hiểu được pháp ấy Chúng sinh Phật vẫn đồng Trăng Lăng Già phẳng lặng Thuyền Bát Nhã chơn không Biết không rồi biết có Tam muội mặc dung thông. Nghe bài kệ , vua rất lấy làm mến phục. Thời ấy các vị vương công trong triều và sĩ thứ nhiều người đến hỏi đạo lý và đều tôn Ngài là thầy. Sang đời thánh Tôn, Ngài được phong làm Tạ Nhai Tăng đô thống đến năm Gia Khánh thứ năm (1063) Ngài tịch. Ngài có soạn mấy cuốn: "pháp sự trai nghi, đạo tràng khánh tân văn" nhưng đều thất truyền. c.-Thiền-lảo thiền-sư: Ngài trụ trì tại chùa Trùng-Minh huyện Tiêndu, đệ-tử của Đa Báo thiền-sư. Sau khi học đã

đắc đạo, Ngài về ngôi chùa vùng Từ-Sơn, danh tiếng lừng lẩy, học trò đông đến nghìn người.

Chổ ở của Ngài thành Đại-Tồng-Lâm.

Trong khoảng niên hiệu Thông-Thụy (10341038) vua Lý-Thái-Tôn nhơn một hôm đến thăm và hỏi Ngài:

Hòa Thượng tới ở chùa này bao lâu?

Vị thiền-sư đọc hai câu rằng:

Nguyên văn:

Đản tri kim nhật nguyệt

Thùy thức cựu xuân thu

Dịch nghĩa:

Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước, ai hay làm gì?
Vua lại hỏi: Ngày thường Hòa-Thượng thường làm việc gì?
Ngài lại đọc:
Nguyên văn:
Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân Minh nguyệt lộ toàn chân
Dịch nghĩa: Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác Trăng trong, mây bạc hiện toàn chân. Sau khi về cung, vua định sai sứ rước Ngài vào triều để thỉnh làm cố vấn. Sứ giả đến nơi thì Ngài đã tịch rồi. 3.-Dưới đời Lý-Thánh-Tôn (1054-1075) a).- Tình hình Phật Giáotrong đời này: Thánh-Tôn lên ngôi, đổi quốc hiệu là Đại Việt và lấy niên hiệu là Long-Thụy-Thái-Bình. Ngài là một ông vua rất sùng mộ Đạo Phật. Năm Long-Thụy thứ năm (1059), Ngài xuống sắc lịnh dựng chùa xây tháp và đúc quả chuông trọng lượng 12.000 cân đồng, tại làng Bảo Thiên thuộc tỉnh Hà Nội. Quả chuông ấy hiện nay vẫn còn. Trong thời đại này, phái Thảo Đường xuất hiện ở Việt-Nam, do Ngài Thảo-Đường, đệ tử Ngài Tuyết-Đậu Minh-Giáp bên Tầu truyền sang. Vua Lý-Thánh-Tôn thọ giáo với Ngài, sau được truyền trong pháp làm đệ tử đầu tiên của

Ngài Thảo-Đường. Phái Thảo-Đường tức là phái Thiền-Tôn là phái thứ ba ở nước ta vậy. Lý-Thánh-Tôn là một tăng-sĩ được quyền truyền tâm pháp thì chắc chắn Đạo Phật lúc bấy giờ rất được phát đạt và có ảnh hưởng lớn lao trong dân chúng lắm. b.-Phái Thảo-Đường: Năm 1069 vua Lý-Thánh-Tôn đi đánh chiên thành, bắt được vua Chiêm-Thành là Chế-Củ và nhiều dân, quân về làm tù binh. Những tù binh này, vua ban cho các quan trong triều làm hầu hạ. Trong số các quan trong triều, có một vị Tăng-Lục. Một hôm, vị Tăng ấy đi vắng, về bổng thấy "Ngữ lục" của mình bị một tù nhân sửa chữa lại cả. Vị Tăng Lục thất kinh, đem về tâu với vua. Vua cho đòi tên tù nhân ấy hỏi, thì y ứng đối rất thông suốt, luận về kinh Phật rất sáng đáng. Hỏi ra mới biết đó là một vị Thiềnsư người Trung Hoa, theo thầy qua Chiêm- Thành, rồi bị bắt làm tù binh. Vị Thiền-sư ấy tức là Ngài Thảo-Đường. 3.- Dưới đời Lý-Nhân-Tôn (1072-1127).

a)- Tình hình Phật Giáo trong thời kỳ này: Lý-Nhân-Tôn, mặc dù khi lên ngôi Lý-Nhân-Tôn tuổi còn nhỏ mà rất thông minh, anh dủng. Ngài rất hâm mộ Phật Giáo, cho nên ngoài công việc triều chánh ra, Ngài còn để tâm lo truyền bá Phật-pháp. Ngài có đặt một vị quan cao cấp trong nom hết thảy các chùa trong nước. Ngài lại phong cho Khô Đầu thiền-sư làm quốc sư để cố vấn việc quốc chính, nhưng Ngài Khuong- Việt, dưới đời Đinh và Tiền-Lê. Song song với công việc chấn hưng Phậtpháp của vua, bà Hoàng-Hậu cũng là một tính nữ đắc lực, đã xuất của riêng ra lập hơn trăm ngôi chùa trong nước. Trong đời nầy, lại có nhiều bậc thiền-sư lỗii lạc, trước thuật những sách vỡ làm vẽ vang cho lịch sử Phật Giáo nước nhà như Ngài Viên- Chiếu Thiền-sư, Ngộ-Ấn thiền-sư ... b.- Viên-Chiếu Thiền-sư: Ngài họ Mai, tên húy là trực, quê ở huyện Long-Đàm, con anh bà Linh-Cảm Thái Hậu (Vợ vua Thái-Tôn). Ngài thông minh từ thủa nhỏ.

Mặc dù con nhà quyền quý, Ngài từ giã gia đình, vào chùa Tiêu-Sơn, xin làm đệ tử Ngài Định-Hương Thiền-sư, nghiên cứu thiền học. Ngài rất am hiểu pháp "Tam quán " trong kinh Viên-Giác, tu đến đắc đạo và được sư phụ truyền tâm ân. Sau Ngài về Thăng Long, dựng một ngôi chùa ở mé tả kinh thành và trụ trì tại đó. Người bbốn phương nghe tiếng xin theo học rất đông. Ngài có soạn quyển:"Dược sư thập nhị văn", trong ấy bàn giãi về 12 điều đại nguyện trong kinh dược sư. Vua Lý-Nhân-Tôn có đưa bản sách ấy cho các sứ thần sang Tầu dâng vua Triết-Tôn nhà Tống. Vua Tống giao sách ấy cho các vị thượng tọa ở chùa Tướng Quốc xem và có chổ nào đáng sữa thì sữa lại. Các đại sư Tầu xem rồi vá tâu với vua Tống rằng: "Đây là đấng hóa thân đại sĩ ra đời ở phương Nam, giảng giãi kinh nghĩa rất tinh vi, bọn phàm tăng chúng tôi đâu dám thêm bớt một chữ nào nữa !". Vua Tống săc cho sao lại một bản, còn bản chính thì trả lại cho vua tăng-sĩ với nhiều khen

tặng. Ngài Viên-Chiếu tịch năm Quãng-Hựu thứ sáu (1090) thọ 92 tuổi.

Sau đây là bài thơ của Ngài còn truyền lại:

Nguyên văn:

Giốc hưởng tùy phong xuyên trúc đáo

Sơn nham đáo nguyệt quá tường lai

Vũ trích nham hoa thần nữ lệ

Phong xao đính trúc Bá nha cầm.

Dịch nghĩa:

Theo gió tiếng còi luồng bại trúc

Kèm trăng trái núi quá đầu tường

Hoa núi mưa xa thần nữ khóc

Tre xanh gió thổi Bá-Nha đàn.

5.- Dưới đời Lý-Thần-Tôn (1128-1138).

Lý-Nhân-Tôn không có con, lập con của hoàng đệ là Súng-Hiền-Hầu lên làm Thái Tử, sau lên ngôi tức là Thần-Tôn. Năm Thiên

Chương Bảo Tự thứ tư (1136) vua mắc bệnh nặng, nhờ có Minh-Không Thiền-sư chữa khỏi, nên vua phong cho thiền-sư làm quốc sư và sắc lập chùa Linh-Cảm.

Trong đời này củng có nhiều vị danh tăng như Minh-Không-Huyền Sư, Thông-Biện Thiền-sư, Bảo-Gíam Thiền-sư và đặc biệt có một sư ni, con gái một vị hoàng thân, tức là bà Diệu-Nhân. Vị sư ni này thọ giới với Chân-Không Thiền-sư, và là vị ni đầu tiên trong phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu- Chi. Ngoài ra, trong thời này cũng có nhiều vị cao tăng trong phái Vô-Ngôn-Thông, Thảo- Đường mở đạo tràng dạy đệ tử hoặc đi hành hóa, dùng pháp thuật cứu giúp kẽ bệnh tật rất nhiều. 6.- Dưới đời các vị vua cuối đời nhà Lý: Lý-Anh-Tôn (1138-1175), Lý-Cao-Tôn (1176- 1210), Lý-Huệ-Tôn (1211-1225). a).- Lý-Anh-Tôn và thời đại này: Thần Tôn mất, thái tử Thiên-Tộ lên làm vua lấy đế hiệu là Anh-Tôn. Anh-Tôn là đệ tử của Thiền-sư (phái Thảo-Đường) và được truyền tâm pháp, tức là vị đệ tử thứ tư nối truyền thống của phái Thảo-Đường. Những vị Thiền-sư có tiếng trong đời này là: Trí-Thuyền,Am-Trí, Bảo-Giám, Viên-Thông Thiền-sư. Ngài Viên-Thông Thiền-sư được

phong làm quốc sư vào năm 1143, tịch năm 1151, thọ 72 tuổi. Ngài có trước tác những bộ sách hiện còn lưu lại: - Chư Phật tích dư sự (30 chương). - Hồng chung văn bi ký Tăng già tạp lục (50 chương). - 1000 bài thơ b.-Lý Cao Tôn và thời đại này: Anh-Tôn mất, Thái tử Long-Cán nối ngôi, hiệu là Cao-Tôn. Cao-Tôn lên ngôi mới ba tuổi, công việc trong triều giao trong tay quan phụ chánh Hồ-Hiến-Hành. Cao-Tôn lớn lên thụ giáo với Ngài Trương-Tam-Tạng Thiền-sư trong phái Thảo-Đường. Trong đời này, tuy vua chúa, các bà cung phi và triều đình (như thái úy Tô-Hiến-Thành, thái bảo Ngô-Hòa-Nghĩa) đều sụng mộ Đạo Phật, nhưng sự phát-triển không có gì đặc sắc đáng kể. Vận nước đang xuống, và Phật Giáo củng xuôi theo đà.

c) Lý-Huệ-Tôn với thời đại này:- Thái tử Sam nối ngôi Cao-Tôn, tức là Huệ-Tôn. Nhà Lý đến giai đoạn này, đã suy lắm. Trong triều thì nổi loạn, vua không có thực quyền, ngoài dân gian cũng không được yên ổn. Do đó, Phật Giáo cũng bị ảnh hưởng theo. Năm 1224, Huệ-Tôn chán ngán cái đời làm vua, truyền ngôi cho con gái mới 7 tuổi là công chúa Phật-Kim, tức Lý-Chiêu-Hòa, rồi xuất gia ở chùa Chân-giáo, tự xưng là Huệ-Quang Đại-Sư. Lý-Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho chồng là Trần-Cảnh. Nhà Lý chấm dứt từ đấy !. 7.- Nhận xét chung về Phật Giáo đời nhà Lý. Nếu ở Trung Hoa, đời Đường là đời Phật Giáo thịnh hành nhất, thì ở Việt-Nam đời Lý là đời Phật Giáo được thịnh hành nhất. Trong hơn hai trăm năm, Đạo Phật giữ địa vị độc tôn về mọi phương diện: Đạo đức, văn học, chánh trị, ngoại giao. Tám đời vua nhà Lý đều sùng một Đạo Phật và có nhiều vị đã xuất gia

đắc đạo. Các vị Tăng trong đời vua ấy là những cao Tăng, Đại đức, thông thái và giữ nhiều địa vị quan trọng trong triều đình. Không những thế, các Ngài còn là những là thi sĩ lỗi lạc, những nhà ngoại giao tài tình và những nhà mô phạm uyên bác. Các Ngài đã tận tụy đem cái sơ học, sở đắc của mình nhập thế cứu đời, gây uy tín rất lớn cho Đạo Phật. Chính các Ngài đã gián tiếp cải chính một cách hùng hồn bằng những hành động của mình rằng: Đạo Phật không phải là yêm thế, nhu nhược mà chính là tích cực, dõng mẻnh cứu đời và đã góp công rất lớn trong công cuộc dựng nước và an dân. Đọc lịch sử Phật Giáo nước nhà đến đọan này, chúng tăng-sĩ thật vô cùng phấn khởi và càng thêm tin tưởng vào sứ mệnh cứu đời của Phật Giáo. ---*^*---

Bài Thứ 4 Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

(Từ Nhà Trần Đến Các Vị Vua Đầu Nhà Nguyễn) V.- Phật Giáo Dưới Thời Nhà Trần (1225- 1400). 1.-Tình hình chung của Phật Giáo dưới đời nhà Trần: Nhà Trần nối nghiệp nhà Lý, thừa hưởng về mọi phương-diện , một di sản quý báu mà nhà Lý đã xây dựng trên hai thế kỷ. Riêng về Phật Giáo, mặc dù về cuối đời nhà Lý, triều đình gặp nhiều vụ nội biến và trong phái thiền môn, ít có được những vị cao-Tăng đại-đức như ở đầu đời Lý; nhưng trong dân chúng, Đạo Phật đã thấm nhuần sâu xa, đâu đâu củng có chùa, có tượng Phật để tín đồ sùng bái. Bước sang đầu đời nhà Trần, có nhiều lý do khiến chúng ta tin-tưởng rằng Đạo Phật sẽ được phát-triển mạnh thêm, nhất là các vị vua đầu nhà Trần là những vị vua thông hiểu và sùng mộ Phật Giáo còn hơn cả những vị vua đầu nhà Lý. Thế mà Đạo Phật

trong đời nhà Trần, chỉ thịnh phát trong khoảng 50 năm đầu, rồi dừng lại và thoái bộ mãi. Vì hai lý do làm cho Đạo Phật không thể tiến phát được là ở bên ngoài, sự cạnh tranh ráo riết, có nhiều khi là cả một sự đàn áp của Khổng-Giáo; và ở bên trong, giáo lý Đạo Phật dần dần bị xen lẫn mê tín, dị đoan của những tà giáo, ngoại đạo mà các vua chúa trong đời nhà Trần rất sùng mộ. Vì những sự mê-tín, dị-đoan này, Đạo Phật trước con mắt những nhà thức giả, nhất là phía Khổng-Giáo, trở thành một cái đạo vô bổ, nguy hiểm cho đời sống quốc gia. Các nhà nho đua nhau công kích Phật Giáo. Triều đình mỡ những kỳ khảo hạng tăng-sĩ về những giáo-lý thông thường. Những vị sư nào thi hỏng thì phải hoàn tục. Những người thi đổ thì được bổ làm chức Triều-cung (coi việc các cung), Triều-quan (coi việc các đền), Triều-tự (coi việc các chùa). Thật là một hiện tượng suy đồi rõ rệt: các tăng-sĩ phải đi thi để giữ chức coi việc cúng bái ở các cung vua và các đền miếu. Mỉa mai cay độc hơn nữa, là trong đời vua Phế-Đế (1381) tăng-chúng của đạo từ bi lại bị triệu tập làm thành một đạo binh dưới sự thống lĩnh của một vị Thiền-sư để đi đánh giặc Chiêm-Thành.

2.- Các vị vua nhà Trần có công với sự truyền bá Phật-Pháp : Như đoạn trên đã nói, trong đầu đời nhà Trần, có nhiều vị vua rất sùng mộ Phật-Pháp và đã có công lớn đối với việc truyền bá Đạo Phật trong nước. a). Vua Trần-Thái-Tôn (1225-1258): Trần-Thái-Tôn tên húy là Trần-Cảnh, chồng bà Lý-Chiêu-Hoàng. Sau khi được vợ nhường ngôi, Trần-Thái-Tôn trở thành vị vua khai nguyên đời Trần. Ngài là một vị quốc vương hiếu đạo rất sâu xa. Khi mới lên ngôi, Ngài đã lo việc truyền bá Đạo Phật bằng cách lập chùa, đúc chuông và hộ trì Phật, Pháp,Tăng. Ngài lại còn soạn được hai tập sách rất có giá trị và gây ảnh hưởng quý báu cho việc truyền bá Phật- Pháp thời bấy giờ, là quyễn: "Thiền-tôn chỉ Nam" và quyễn "Khóa hư". Tập Thiền-tôn chí Nam nói rỏ về đạo lý tu thiền; còn tập Khóa-hư giãi rỏ hành-tướng của cái khổ: sanh, lão, bệnh, tử. Hai tập ấy, ngày nay vẩn còn lưu truyền. b). Vua Trần-Nhân-Tôn (1278-1293):

Trần-Nhân-Tôn là vị vua thứ ba đời Trần. Sau khi đã đánh bại quân Mông-Cổ một cách oai hùng, Ngài truyền ngôi lại cho con và vào tu ở núi Yên-Tử. Ngài thương đi khắp đó đay để bài trừ những hàinh thức mê-tín dị-đoan trong dân gian, thiết lập tu-viện, thuyết pháp-độ-sanh, mỡ rọng những trạm phát thuốc để cứu giúp người tật bệnh. Sau Ngài truyền pháp lại cho Tôn-Giả Pháp-Hoa và tịch ở am Ngọc-Vân trong lúc đang đi du hóa. Ngài chính là sư-tổ phái Trúc- Lâm. c). Trần-Anh-Tôn (1293-1314): Trần-Anh-Tôn là vị vua thứ tư của nhà Trần, kế vị vua Trần-Nhân-Tôn. Ngài là đệ tử của Pháp-Loa tôn-sư, nên rất tinh thông về Phậtpháp. Noi gương phụ vương là vua Trần-Nhân- Tôn, Ngài đã hăng hái truyền bá Phật Giáo trong nước. Sau khi thỉnh được đại ttạng kinh ở Trung Hoa về, Ngài sắc in nhiều bản và phát cho HoàngTrần-Nhân-Tôn, Ngài lại còn tuyền thiết những đàn tràng lớn để hành lể và phát chẩn cho dân nghèo.

Tuy vậy, đến đời Anh-Tôn, Đạo Phật không còn giữ đợc cái swcs-thái rực-rỡ như đầu đời Trần nữa. Sau đời vua này, các vị vua kế vị tuy vẫn là những Phật tử, nhưng không còn được lòng tin sáng suốt và thuần túy nữa. Ngoại đạo, tà-giáo từ Trung Hoa truyền sang đã xen lấn trong niềm tin của họ. 3.- Phái Trúc-Lâm Yên-Tử và các vị tổ trong phái ấy: Trong đời Trần, các vị danh tăng không được đông đảo như ở đời Lý. Tuy thế, trong

đời nay Phật Giáo Việt-Nam củng đã phát-triển được một tôn phái mới là Trúc-Lâm, phát tích từ nước Yên-Tử, và các vị tổ trong phái này cũng là những bậc cao Tăng mà đời sau không thể nhớ được, mỗi khi nói đến Đạo Phật về đời Trần. Sau đây chúng tăng-sĩ hãy tìm biết qua tiểu-sử và nghiệp-sự của các vị ấy: a). Tuệ-trung Thượng-Sĩ: Ngài húy là Trần-Quốc-Toản, con trai của Hưng-ĐạoVương Trần-Quốc-Tuấn khi giặc Nguyên (Mông-Cổ) hai lần sang đánh chiếm nước ta, Ngài theo Hưng-Đạo-Vương đi chống giặc, lập được nhiều chiến-công và được phong

đến chức Tiết-Độ-Sứ. Ngài có lòng mộ đạo từ nhỏ, nhưng vì gặp lúc quốc biến, Ngài phải ra tay phò vua, giúp nước. Khi giặc yên, Ngài xin từ chức lui về Phong-Ấp là Vạn-niên-hương, chuyên tâm học đạo với Tiêu-Giáo thiền-sư, là một đệ tử cuối cùng của phái Vô-Ngôn-Thông. Khi ngộ đạo, Ngài thường lập đàn giảng đạo, các môn đồ thiện-tín đến dự thính rất đông. Vua Thánh-Tôn rất kính trọng Ngài, tứ hiệu Ngài là "Tuệ-Trung Thượng-sĩ" và ký thác vua Trần-Nhân-Tôn cho Ngài. Ngài hết lòng dạy bảo Thánh-tôn về phần đạo lý và sau này Nhân- Tôn lập ra phái Trúc-Lâm và trở thành đệ nhất tổ của phái này, củng là nhờ ảnh hưởng tinh thần của Tuệ-Trung Thượng-sĩ. Khi gần hóa, Ngài khiến người nhà kê ghế giữa can nhà trống, ngồi tựa vào ghế mà tịch. Các nàng hầu khóc lên, Ngài liền mở mắt ra quở rằng: Sanh tử lẽ thường, có gì đáng thương xót mà làm nhiễu tâm hồn tăng-sĩ thế?

Các nàng hầu im bặt; Ngài lại nhắm mắt mà tịch. Ngài thọ 62 tuổi. b). Trần-Nhân-tôn, đệ nhất tổ của phái Trúc- Lâm Yên-Tử (đã nói ở đoạn trên rồi). c). Pháp-loan tôn-sư, vị tổ thứ hai của phái Trúc-Lâm: Ngài họ Đồng, người hàng Cửu-la, Phủ nam sách (nay thuộc tỉnh Hải Dương), Ngài thiên tư đỉnh ngộ, năm 21 tuổi gặp Ngài Điều-Ngự (tức là vua Nhân-Tôn) khen có pháp nhãn, và được thâu làm đệ tử. Ngài ngộ đạo rất sớm. Năm 25 tuổi Ngài phụng mệnh làm lễ khai giảng ở chùa Siêu-Loại, có vua và đình-thần đến dự. Sau buổi khai-giảng ấy, Ngài Điều-Ngự phong cho Ngài làm chủ sơn môn Yên-Tử và đem kinh điển hơn hai trăm bộ giao phó cho Ngài. Ngài phụng chiếu, định chức các tăng-đồ và quản-lãnh tăng-chúng. Tăng-đồ có Tăng-tịch, sổ sách rõ ràng là bắt đầu từ đó. Trong một đời, Ngài đúc được 1300 tượng Phật, dựng hai đài giảng đạo, năm ngôi tháp, hai trăm sở tăng đường, độ cho hơn 15.000 tang ni, trong số ấy có 3.000 người được đắc pháp. Ngoài ra, Ngài

còn soạn hai tập "Đọan sách lục " và "Tham thiền yếu chi", nay còn lưu truyền. Công nghiệp lớn lao như thế, nhưng tiếc thay đời Ngài lại rất ngắn ngủi, hưởng thọ 47 năm. d). Huyền-Quang Tôn -Sư, vị tổ thứ ba của phái Trúc-Lâm. Ngài họ Lý, người làng Vạn-Tài (thuộc tỉnh Bắc-Giang bây giờ), cha là Tuệ-Tổ, có công đánh Chiêm-Thành, nhưng không chịu ra làm quan. Ngài hình dung kỳ-dị, nhưng bẩm tánh thông minh, đổ trạng nguyên vào lúc 20 tuổi. Trước khi thi đỗ, mệ Ngài đi hỏi vợ cho Ngài, nhưng đến đâu củng bị từ chối, vì hình dung kỳdị của Ngài, và sự nghèo hèn của gia đình Ngài. Nhưng khi Ngài thi đỗ, các nhà phú quý tranh nhau gọi gả con gái, và vua cũng đòi gả công chúa cho, nhưng Ngài đều từ chối. Do đó, người đời có câu ca dao: "Khó khăn thì chẳng ai nhìn, đến khi đổ Trạng, tám nghìn quân duyên" . Vì thấy nhân tình thế thái như thế, nên mặc dù làm quan lớnvà được đi sứ sang Trung Hoa,

Ngài vẫn không lấy thế làm mãn nguyện. Một hôm nhân đi theo vua Anh-Tôn nghe Pháp-Loa Tôn-sư thuyết pháp, Ngài liền giác ngộ nên dâng biểu xin từ chức, rồi xuất gia thọ giáo với Ngài Pháp-Loa. Sau khi được Ngài Pháp-Loa truyền tâm ấn, Ngài trụ trì ở chùa Vân-Yên núi Yên-Tử, tăng ni theo học có đến hàng nghìn. Ngài lập chùa, in kinh, mở pháp-hội bố thí cho kẻ nghèo, làm rrát nhiều việc công đức. Ba vị tổ Trúc-Lâm trên đây đã gây tạo một uy-thế rất lớn, không những trong giới tăng-già mà còn cả ngoài nhân gian nữa, nhưng sau đó rất tiếc là những vị kế nghiệp ba Ngài không có ai tương xứng nữa. Tóm lại, trong đời Trần, cũng như đời Lý, lịch sử Phật Giáo có thể chia làm hai thời kỳ phồn-thịnh gồm trong bốn vị vua đầu (gần 100 năm); thời kỳ thứ hai là thời kỳ suy-vi, gồm các đời vua sau (trong khoảng 80 năm). VI.- Phật Giáo Dưới Đời Nhà Hồ (1400- 1407) Và Dưới Đời Hậu Lê (1428-1527)

Phật Giáo dần dần suy sụp từ dưới đời các vua cuối nhà Trần, sang nhà Hồ và kéo dài cho đến cuối đời Hậu Lê. Trên gần hai ngàn năm Phật Giáo có mặt trên đất nước này, có thể nói giai đoạn này là giai đoạn tối tăm nhất của Phật Giáo. Trong 7 năm chiếp đoạt ngôi nhà Trần, Hồ Quý Ly chưa làm gì được thì nhà Minh oợn cớ khôi phục nhà Trần, kéo quân sang đánh nước, và đặt nền đô hộ khốc liệt trong bảy năm trời, bảy năm tuy ngắn ngủi, nhưng nhà Minh đã để lại mmột hậu quả rất tai hại mà 100 năm sau vẫn chưa xóa nhòa hết. Thật vậy, sau khi xâm chiếm nước ta Nhà Minh tịch thu hết cả sách vở trong nước, trong ấy gồm cả kinh điển nhà Phật, đem về Kim Lăng, và đốt phá nhà chùa rrất nhiều. Một mặt phá hoại, một mặt nhà Minh cho truyền vào nước ta những hình thức mê tín dị đoan của các đạo Lão và Lạt Ma giáo. Do đó, Đạo Phật mất hế cả tính thuần túy của các thời đâị trước, vatơr thành một thứ tôn giáo hổn tạp, kỳ quái. Phật không ra Phật ma không

ra ma. Thật là một cảnh tiêu tàn hoang phế đã diễn ra trong chốn Thiền môn ! Sang đến thời lê Nho học rất thịnh hành, các sĩ phu đua nhau vào đương khoa cử, miệt mài trong tư tưởng Tống Nho. Giáo-lý nhà Phật không còn làm danh lợi cho ai, nên đã bị bỏ quên. Phê bình tình trạng Phật Giáo trong giai đoạn này, Thường tọa Thích Mật Thể, trong cuốn Việt-Nam Phật Giáo sử lược đã viết rất đúng như sau: " Việc tu đạo, đối với hạng ít học thì chỉ là một kế quyền nghi tteo hình thức (1); với hạng sĩ phu, thì chỉ là môĩt chổ để người nào lận đận công danh, chán nãn cuộc thế, bất bình với thói đời, nghĩa là chỉ có những người yếm thế mới tìm đến để tiêu dao ngày tháng, mượn cảnh chùa am, tiếng chuông, câu kệ, mà dứt bỏ cuộc ngoài thôi, chư không phải mến hiểu giáo-lý của Phật mà tu hành, rồi mộ đạo, rồi lại đem đạo lý ra mà giác ngộ cho kể khác". Bởi vậy trong thời Hậu Lê có thể nói "thời đại Phật Giáo suy đồi" ! (1) Để khỏi nói là một kế sinh nhai.

VII.- Phật Giáo Trong Thời Nam Bắc Phân Tranh (1528-1802) Nhà Hậu Lê làm Vua đến đời vua Chiêu Tôn, Cung Hoàng (1516-1527) thì bị Mặc Đăng Dung thoán đoạt nhưng những trung thần của Nhà Lê đả chống lại Mặc Đăng Dung và lập triều đình nhà Lê ở Thanh Hóa, Nghệ An. Sau sáu năm chống nhau với nhà Mạc, nhà Lê đã nhờ công lao to lớn củ họ Trịnh mà giành lại Giang Sơn. Họ Trịnh ỷ mình có nhiều công lao, nắm hết quyền hành ở trong triều, vua Lê chỉ ngồi cho có vị, chỉ không có thực quyền. Họ

Nguyễn, vì không muốn phục tùng họ Trịnh, nên đả lánh vào nam, hùng cứ một phương. Từ đó nươc ta phân chia làm hai: Phía Bắc sông Gianh là giang sơn cảu họ Trịnh; Phía Nam sông Gianh là giang sơn của họ Nguyễn;. Hai họ Trịnh, Nguyễn đều muốn bành trướng thế lực của mình để diệt trừ đối thủ, nên họ ra công xây dựng phần đất của mình về mọi phương diện. Về phương diện tôn giáo, hai

bên đều lấy Phật Giáo làm quốc giáo và củng sốt sắng xây chùa tạo tượng rất nhiều. Cũng trong giai đoạn này, ở Trung Quốc thường có loạn lạc, và các tôn giáo Phật Giáo thường bị chèn ép của Lạt Ma giáo, nên một số vị cao tăng đã rời quê hương, sang Việt-Nam truyền giáo, người thì vào ở đất Bắc, người thì vào Nam. Nhờ thế, nước ta Có nhiều tôn phái mới và nhiều vị sư Trung Hoa danh tiếng mà ảnh hưởng còn truyền đến bây giờ. 1.- Phật Giáo trong thời các chúa Trịnh: Phật Giáo trong thời kỳ này.- Vào khoảng đời vua Lê Thế Tôn (1573-1599) ở Bắc có phái Tào Động, củng là chi phái của phái Bồ ĐềĐạt Ma ở bên Tàu. Phái này truyền vào bởi nhà sư Trung Hoa Trí Giáo Nhất Cú. Hiện nay các vị sư trụ trị tại các chùa Hòe Lai, Hàm Long, Trấn Quốc ở Hà Nội là đệ tử của phái Tào Động. Vào khoảng đời vua Lê Hy Tôn (1676-1705) lại có phái Liên Tôn, do một vị vương công họ Trịnh là Lân Giác thiền-sư lập ra ở chùa Liên

Phái (Bạch Mai, Hà Nội). Đồng thời sư Nguyệt Qung củng lập ra phái ấy ở Kiến An. Hai Ngài Lâm Giác và Nguyệt Quang đều là đệ tử của chi phái Lâm Tế ở Trung Hoa truyền sang. Hiện nay các vị sư trụ trì ở chùa Bà Đá (Hà Nội) là đệ tử cảu chi Lâm Tế. Ngoài sự ptr hai phái trên, Phật Giáo ở Bắc lại được chúa Trịnh ủng hộ mạnh: trùng tu yự viện, thỉnh Đại tạng ở Trung Hoa về...Các cao tăng lúc bấy giờ củng khá đông, danh tiếng nhất là Ngài Hương Hải thiền-sư, mà chúng ta sẽ nói dưới đây: Hương Hải thiền-sư: -Ngài nguyên trước ở miền Nam, trong phần đất của chúa Nguyễn và là dòng dõi thế phiệt. Thân sinh Ngài là một công thần của chúa Nguyễn. Ngài đổ Hương Cống (cử nhân) lúc 18 tuổi, được tuyển vào làm việc ở phủ chúa Nguyễn rồi được bổ ra làm chi phủ ở Triệu Phong (Quảng Trị ngày nay). Ngài rất hâm mộ đạo Phật và thường đàm luận giáolý với các vị cao tăng. Đến 28 tuổi Ngài xin từ quan, xuất gia đầu Phật. Ngài ra chơi ở núi Tiêm Bút ngoài Nam Hải, rồi lập am ở lại trụ trì. Đạo hạnh Ngài rất cao, quan đan gần xa đều

cảm mộ. Chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Chu 1691-1715) nghe danh, sai người ra hải đảo mời về, và lập chùa để Ngài trụ trì. Nhưng sau vì sự nghi ngờ của chúa Nguyễn, Ngài bỏ miền Nam, đóng thuyền vượt biển cùng 50 đê tử ra Bắc và được chúa Trịnh và vua Lê rất mến phục. Vua Lê Vũ Tôn (1706-1726) thường mời Ngài vào cung để hỏi đạo. Một hôm vua hỏi Ngài: Trẫm nghe thiền-sư học rộng nhớ nhiều, vậy xin thiền-sư thuyết pháp cho nghe để Trẫm hiểu được Đạo. Ngài nói: Bần tăng có bốn câu kệ này, xin bệ hạ để tâm suy nghĩ: Nguyên văn: Phản văn tự kỷ mỗi thường quan Thẩn sát tư duy tử tế khan Mạc giáo mộng trungtầm tri thức Tương lai diện thượng đổ sư nhan Dịch nghĩa:

Nghe lại điều mình thấy những ngày
Suy đi nghĩ lại kỹ càng hay
Chớ tìm triều thức trong cơn mộng
Có thế mới hay nhận được thầy (Đạo)

Vua hỏi:
Thế nào là ý của Phật?
Ngài đáp:
Nguyên văn:
Nhạn quá trường không
Aính trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.
Dịch nghĩa:
Nhạn liệng giửa không
Bống chìm dưới nước
Nhạn không để dấu lại
Nước chẳng lưu bóng làm chi
Ngài thường đọc những câu kệ hay để dạy tăng chúng, như sau:
Nguyên văn:
Tầm ngưu tu phỏng tích Học đạo quý vô tâm Tích tại ngưu hoàn tại Vô tâm đạo dị tầm. Dịch nghĩa: Tìm trâu, tìm đấu chân Đấu còn trâu chẳng mất đâu bao giờ Những người học đạo chớ nhờ Vô tâm thì đạo cơ sơ đễ tìm 2.- Phật Giáo trong thời các chúa Nguyễn: Phật Giáo trong thời kỳ này. -Trong khi Phật Giáo miền ngoài trổi dậy, thì Phật Giáo miền trong cũng phát đạt. Từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, cho đến khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, trong hơn hai trăm năm, họ Nguyễn đối với Phật Giáo hế lòng sùng thượng, tạc tượng, đúc chuông, lập tự viện rất nhiều, bấy giờ có nhiều vị tăng tử Trung Hoa như Ngài Tế Viên, Ngài Giác Phong .. . ở Trung Hoa sang truyền giáo, trong các vị tăng Trung Hoa, có một vị Thánh tăng mà ảnh hưởng còn truyền lại đến bây giờ là Tô Nguyên Thiều. Riêng các vị tăng Việt-Nam, thời có Ngài Liễu Quán là một

vị tổ đã làm cho Phật Giáo miền Nam thời ấy được vô cùng rực rỡ. b.- Các vị danh tăng: -Ngài Nguyên Thiều: Ngài họ Tạ, quê ở Trùng Hương (quảng Đông). Xuất gia năm 19 tuổi, Ngài tu ở chùa Bảo Tự, thọ giáo với Ngài Đổi Khao Khoán Viên Hòa thượng. Niên hiệu Cảnh Trị năm thứ ba đời Lê Huyền Tôn (1665). Ngài đi theo tàu buôn của An Nam, trú ở phủ Quy Ninh (Bình Định) lập chùa Thập Tháp Di Đà, mở truyềntrường dạy Phật Pháp, sau ra Thuận Hóa lập chùa Hà Trung, rồi lên Xuân Kinh (Huế) lập chùa Quốc Ân và dựng tháp Phổ Đồng. Sau Ngài phụng mạng đức Anh Tôn (Nguyễn Phúc Tráng 1687-1691) trở về Trung Quốc, tìm mời các vị danh tăng và cung thỉnh pháp tượng, pháp khí. Ngài về Quảng Đông mời được Hòa Thượng Thạch Liêm và các danh tăng khác, cùng thỉnh được nhiều kinh điển, tượng, pháp khí trở về Nam. Chúc Nguyễn liền sắc mở đàn truyền giới rất long trọng tại chùa Thiên Mụ.

Sau đó, chúa Nguyễn sắc ban Ngài chức trụ trì chùa Hà Trung. Một hôm, Ngài lâm bệnh, họp môn đò lại dặn dò mọi việc và truyền bài kệ sau đây: Tịch tịch, kính vô ảnh Minh minh, châu bát dụng Dường đường,vật phi vật Liểu liểu, không vật không Đại ý: Thể pháp thân thanh tịnh sáng suốt như mãnh gương sạch không bụi, như ngọc minh

châu, trong sáng bóng ngời. Tuy hiện tiền sự sự, vật vật sai khác, nhưng đều là thể pháp thân biểu hiện. Thể pháp thân thường vắng lặng mà không phải là không, tức là lý "chân không diệu hữu". Ngài viết xong bài kệ, ngồi yên lặng mà tịch. Ngài Liễu Quán: Ngài họ Lê, húy Thiện Diệu, quê ở làng Bạch Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên (sông Cầu bây giờ). Ngài mồ côi lúc 6 tuổi, thân sinh Ngài cho Ngài xuất gia và đầu sư với Ngài Tế Viên Hòa Thượng, người Trung

Hoa. Được 7 năm Hòa thượng Viên tịch, Ngài ra Thuận Hóa học với Giác Phong Lão tổ (người Trung Hoa) ở chùa Bảo Quốc. Năm 1691 Ngài trở về cố hương phụng dưỡng cha già, phải đi đốn củi để sinh nhai. Được bốn năm sau khi thân phụ Ngài qua đời, ngài trở ra Thuận Hóa, thọ giới Sa -di với Ngài Thạch Liêm Hào thượng (cũng người Trung Hoa). Năm 1699, Ngài đi tham lễ khắp Thiền Lâm để bồi bổ cho sự tu hành. Qua năm 1702, Ngài đến Long Sơn, cầu học pháp tam thiền với Ngài Tử Dung hòa thượng (tổ khai sơn chùa Từ Đàm, Huế). Về phần hóa đạo, Ngài rất tinh tấn không nệ khó nhọc. Luôn luôn Ngài lập đàn truyền giới, tiếp chúng độ tăng. Năm 1740, ngài Tấn Đàn phóng giới, rồi từ đó Ngài trở về núi Thiên Thai, dựng thảo am, ẩn náu tu hành, nay tức là chùa Thiền Tôn. Chúa Nguyễn Minh Vương rất trọng đạo hạnh Ngài, thường mời Ngài vào cung đàm đạo. Mùa xuân năm 1742, Ngài trở lại dự giới đàn ở chùa

Vĩnh Thông, cuối mùa thu ấy, Ngài thọ bệnh, khi sắp lâm sung, Ngài gọi môn đồ lại dạy rằng:
Các ngươi khóc làm gì ! các đức Phật ra đời còn nhập niết bàn,thì ta nay đi đến rỏ ràng, về tất có chổ, các ngươi không nên khóc và đuừng nên buồn thảm.
Kế đo,ĩ Ngài viết bài kệ , từ biệt:
Nguyên văn:
Thất thập dư niên thế -giới trung
Không không, sắc sắc, diệu dung thông
Kim triêu nguyện mãn hoàn gia lý
Hà tất bôn man vấn tổ- tông.
Dịch nghĩa
Ngoài bảy mươi năm trong thế- gian
Không không, sắc sắc thảy dung- thông.
Ngày nay nguyện mãn về nơi củ
Nào phải ân cần hỏi tổ- tông.
Viết xong, ngài bảo môn đồ rằng:
-"Sau khi ta đi, các ngươi phải nghĩ đến cơn vô thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu học, các ngươi hãy cố gắng tới, chớ bỏ quên lời ta". Đến ngày 22 tháng 11 giữa mùa đôngnăm Nhâm -tuất (1742) vào giờ mùi, Ngài dùng nươc trà xong, vui vẽ từ biệt môn đồ, tiêu -diêu thoát hóa. Chúa Minh- Vương được tin, liền ban thụyhiệu là " Đạo Hạnh Thụy Chánh Giác Viên - Ngộ Hòa- Thượng". VII.-Phật Giáo Dưới Đời Các Vị Vua Đầu Triều Nguyễn Tình trạng Phật Giáo trong giai đoạn này: Nhà Nguyễn Tây- Sơn, trong một giai đoạn ngắn, đã chấm dứt tình trạng Nam,Bắc phân tranh và thóng nhất

sơn hà về một mối.Nhưng chẳng bao lâu, Chúa Nguyễn Phúc-Aĩnh diệt được nhà Nguyễn Tây -Sơn, thu hồi lại đất nườcva mỡ đầu cho triều Nguyễn, lấy niên hiệu Gia-Long.

Trong giai đoạn này, nước ta sống trong cảnh chiến- tranh thường trực,ít ai có thì giờ nghĩ đến chuyện chấn -hưng đạo đức tôn- giáo.Một số chùa chiền bị tàn phá, kinh- điển thất -lạc, cảnh hoang tàn thật tiêu điều buồn bã. Vua Gia -Long lên ngôi, công việc trước tiên của Ngài là lập lài nên an- ninh trật -tự trong nước, chứ cũng chưa có thì giờ nghĩ đến chuyện chấn -hưng Phật Giáo.Qua đến đời Minh- Mạng và Thiệu Trị, các Ngài cũng bắt đầu sắc trùng tu những ngôi chùa tổ đình quan trọng ,nhưng trong dân gian thì ảnh hưởng đạo Phật mỗi ngày mỗi lu mờ, phai nhạt dần. Các vị cao tăng vẫn có, như Ngài Phổ -Tịnh Hòa -Thượng, Giac Ngộ Hòa _Thượng . Nhưng vì quá ít ỏi, nên quý vị ấy, chẳng khác gì những chiếc sao lẻ té trong bầu trời đen tối, chảng soi sáng đươc gì. Đến khi người Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước này, thì đạo Phật lại càng suy đồi, mất hết cả những gì thuần túy, cao siêu,mà chỉ còn như là một thần đạo, mà nhiệm vụ chính là lo việc cúng bái mà thôi. Để có một ý niệm chung về một sự tồi -tệ của trong giai đoạn này, chúng tôi xin trích một

đoạn nhận xét rất chính xác sau đây, mà Thượng -Tọa Thích -Mật _thể đã viết trong cuốn Việt - Nam Phật Giáo sử lược: "..Đến đây,từ vua quan cho đến thứ dân, ai ai cũng an- trí đạo Phật là ở sự cúng cấp, cầu đảo, chứ không biết gì khác nữa. Và phần đông họ chỉ trọng ông thầy ở chổ danh vọng, chức tước, mặc dù ông ấy thiếu học, thiếu tu. Bởi tệ hại ấy, tăng đồ trong nước lần lấnavào con đường trụy lạc, cờ bạc, rượu chè đắm trước thanh sắc. "Ở miền trung nguyên Bắc -kỳ,về kỷ- luật tăng già bên ngoài còn giữ được nghiêm chỉnh đôi chút, chứ ở Trung -kỳ, phần nhiều họ đã có vợ, có con một cách công nhiên, không áy náy.Nhất là ở Nam -kỳ lại càng hổn độn hơn nữa...Phần đong tăng đồ chỉ nghĩ đến danh vọng, chức tước: xin bằng Tăng-cang, Trụ trì, Sắc tứ v.v..hay chỉ biết cúng cấp, cầu đạo , phù chú, làm táyai cho các vua chúa, quan quyền, phú hộ để làm kế sinh nhai. Còn một hạng nữa, chỉ giữ mình cho được thanh nhàn, ăn chơi tiêu khiển, bảo là giải thoát v.v..!

"Bởi vậy, các cảnh chùa trong nước đã thành cảnh gia đình riêng, không còn gì là tính cách đoàn thể của một tôn giáo nữa. Họ sống trong Phật Giáo hầu hết chỉ còn là "dốt" và"quên"! "Quên" để khỏi phải biết đến bổn phận bổn phận chơn chánh của một tăng -đồ. "Ở trong tăng- đồ thì như vậy, ở ngoài tín- đồ cư- sĩ thì ngơ- ngác, mù lòa tin bướng, theo càn, ít ai là người hiểu đạo lý. "Trong lịch sử Phật GiáoViệt-Nam, ta có thể đánh vao đây một dấu than (!) rất to tướng". C.-Kết Luận: Chúng ta đã theo dõi dâu chân của những nhà truyền bá đạo Phật đầu tiên ở trên đất nước này cho đến thời cận đại. Trong gần hai mươi thế kỷ hiện -diện trên dãy đất Việt-Nam này, đạo Phật đã trãi qua biết bao cơn thăng trầm, suy thịnh. Những sự biến chuyển ấy, không đơn phương, mà bao giờ cũng đi song song với sự biến chuyển chung của đất nước. Mỗi lần vận nước hưng lên thì đạo Phật cũng phát triển mạnh, mỗi lần vận nước suy nhược, thì đạo Phật cũng thoái trào.

Điều nhận xét thứ hai là những vị anh quân thường thường là những Phật -tử thuần thành, luôn luôn ủng hộ và khuyến khích sự truyền bá Phật Pháp. Trái lại, những vị vua ít hiểu đạo, phá đạo phần nhiều cũng là những vị vua ít thành công nhất trong sự trị nước, an dân. Do hai nhận xét trên, chúng ta có thể kết luận rằng: Đạo Phật đã mật thiết hòa mình trong cuộc sống của dân -tộc Việt- Nam trong quá khứ. Và từ đây về sau, muốn cho đất nước được an cư lạc nghiệp và có một tương lai rạng rỡ, những nhà lãnh đạo quốc giả phải dành cho đạo Phật một địa vị quan trọng trong mọi sinh hoạt của nước nhà. Bài Thứ 5 Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo Trên thế-giới và ở Việt-Nam hiện- đại A.-Mở Đề: Trong thế kỷ thứ 18 và 19 ở Việt- Nam củng như ở các nước Phật Giáo khác , sự truyền -bá đạo Phật hình như thiếu một luồng sinh khí mới, nên cứ chìm dần, tưởng gần như sắp cáo chung.

Nhất là khi Á -đông mới bắt đầu tiếp xúc với cái văn -minh sống -động, rực rỡ của Tây-phương; các dân tộc Á- đông bị" mặc cảm tự ti", cho rằng mình thua sút Tây -phương về mọi phương diện. Do đó, các dân -tộc Á châu, nhất là các dân tộc đông đảo như Ấn Độ, Trung Hoa, đều ruồng rẫy cái gia tài tinh -thần của ông cha, để theo học đòi cái văn minh cơ khí, hùng mạnh của Tâyphương. Đao Phật, cũng như các tôn giáo khác ở Á -châu, chỉ còn lại hình thưc lễ bái cổ truyền, còn lại, còn các phần tinh-hao quý báu của nó bị chôn sâu trong lớp bụi quyên lãng của thời-gian. Nhưng sau cái chóa mắt của những phút đầu tiếp-xúc với ánh sáng lạ, người Á-Châu nhận thấy văn minh Âu-Tây chưa hẳn đã hoàn thiện. Những nhà tư tưởng, triết-gia, lãnh đạo tôn-giáo đạo đức ...sau khi đã đọc được phương pháp suy luận, phân tách, tìm tòi một cách có khoa học của Tây-phương, đã quay về đào xới, khám phá cái iga-tài tinh thần của ông cha để lại mà họ đã ruồng rẫy. Giúp vào công việc ấy, có những nhà bác-học, khảo-cổ, nhân-chủng-học đã tìm thấy được rất nhiều bằng chứng cụ thể nói lên giá trị

chân-chất của nền văn minh Á-đông mà Đạo Phật đã động lực chính. Do đó Đạo Phật được đặc-biệt chú ý. Và càng đi sâu vào văn hóa Phật Giáo, người ta (Âu-tây cũng như Á-đông) lại càng ngạc nhiên vì tánhchất thuần-thiện, cao khiết, trong sáng của nó. Từ đấy, một luồng sinh khí mới thổi lên, đem lại cho người tín-đồ Phật Giáo nhiều phấn-khởi và tinh tưởng ở giáo lý cao siêu của Đức Bổn Sư Thích-Ca. Luồng sinh-khí trên đã gây được một phong trào chấn hưng Phật Giáo, mỗi ngày mỗi lan rộng, ban đầu ở các nước Á-châu, và bây giờ ở khắp năm châu bốn biển. Trong cái bừng dậy chung ấy, tín-đồ Việt-Nam cũng đã đóng góp một các xứng đáng cái phần công đức của mình, và có thể tự hào rằng mình không quyên sứmạng. Vậy dưới đây, chúng ta hãy tuần tự điễm qua cái phong trào chấn-hưng ấy trên các quốc gia Phật Giáo như thế nào, trước khi nái riêng về phong trào chấn-hưng ở Việt-Nam trong hiện tại. B.- Chánh Đề:

I.- Sự Chấn Hưng Phật Giáo Ở Ấn độ Và Các nước Thuộc Khu Vực Ảnh Hưởng Ấn 1.- Phật Giáo Ấn Độ .- Như chúng ta đã thấy trong đoạn nói về lịch sử truyền bá đạo Phật tại Ấn Độ ở bài thứ nhất: mặc dù là xứ sở phát nguyên Phật Giáo, Ấn Độ chỉ thấy được cái vẻ huy hoàng của ánh đạo vàng trong 15 thế kỷ đầu. Những thế kỷ về sau, Đức Phật lu mờ dần ở đây và nhường chỗ cho Ba-la-môn giáo và Hồi-giáo để lân tràn ra lân bang. Vào thế kỷ thứ 18, Đức Phật ỏ Ấn Độ chỉ còn một vang bóng thới xưa. Nhưnh khi người

Anh bắt đầu đi sâu trong sự tìm hiểu nền văn hóa Ấn Độ, và ngạc nhiên khi nhận thấy một nền văn chương, triết học thâm thúy của Đạo Phật đã bị chôn vui trong lãng quên, thì người Anh cũng như người Ấn Độ đều đồng thanh hô hào và cổ xúy sự phục hưng của Phật Giáo. Trong số những học giả Phật Giáo đầu tiên đa ycó sáng kiến xây dựng phong trào chấn hưng này, thì ông Rảyendachilala là người có công nhất. tiên sinh đã căn cứ vào 144 loại kinh chữ Phạn ở Népal để viết ra cuốn "Văn chương Phật

Giáo" bằng Phạn ngữ của Népal. Năm 1888, Tiên sinh lại cho xuất bản quyển "Tiểu phẩm Bác-nhã". Năm 1893,ông Sarat Chandrodas, một học giả Ấn Độ khác, lại đề xướng lên hội"Nghiên-cứu Thánh-điển Phật Giáo Ấn Độ và nhân loại học thuật". Chính hội nghiên cứu này đã thu thập được một số đông hội viên thông thái,gồm Ấn Độ lẫn Anh quốc và đã gây nên phong trào tìm hiểu Phật Giáo trong nước và sang đến Anh quốc. Người có công thứ ba, mà hiện nay Tổng hội Phật Giáo Quốc tế quyết nghị sẽ làm lễ kỷ niệm đệ bách chu niên sanh nhật (17-9-64) khắp nơi trên thế giới là Đại đức Anagarica Dharmapala. Chính Đại đức là người sáng lập ra hội Đai Bồ Đề (Mahabodhi) là một đoàn thể rất có lực lượng trong công cuộc vận động phục hưng Phật Giáo ở Ấn Độ ngày nay. Sáng lập năm 1891, hội này dần dần có chi nhánh ở Âu Mỹ và lăng bang Ấn Độ. Về công đức của Đại đức Dharmapala quyết nghị của đại hộ Phật Giáo Quốc tế lần thứ VI tại Nam Vang đã ghi như sau:

'Đại đức Anagarica Dharmapala đã tiên phong hướng đạo phục hưng Phật Giáo Ấn Độ, và củng là vị pháp sư đầu tiên tới thăm các nước Âu Châu và Mỹ Châu. Nhờ con đường mà công trình hoằng pháp mới được vạch rỏ tại các nước Âu Mỹ như chúng ta đã nhận thấy ngày nay..." Đồng thời với sự chấn hưng Phật Giáo ở Ấn Độ trong các nước trước kia chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ và nằm trong khối Tiểu-thừa Phật Giáo như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan ...củng cá những luồng sinh khí mới đem lại cho nền Phật Giáo cổ tryền một sắc thái mới mẻ,trong sáng và hùng mạnh. 2.- Phật Giáo Miến Điện. -Hiện nay ở Miến Điện Phật Giáo được xem là quốc giáo. Từ 1948,sau khi thu hồi độc lập, chánh phủ Miến Điện và vị thủ tướng (ông U Nu) là một Phật tử, nhiều kế hoạch dự trù chấn hưng Phật Giáo đã được thực hiện. Chính phủ đã cho xây dựng khắp nơi trong nước nhiều Phật học viện nhiều trường Trung, Đại học Pali, tổ chức những cuộc thi giáo-lý và triệu tập nhiều đại hội Phật Giáo quan trọng .

Năm 1954, đại hội tu chỉnh kinh điển Phật Giáo lần thứ VI được tổ chức tại Miến với sự tham dự của 2500 bậc danh tăng ở các nước Tích Lan, Cam Bốt, Ai Lao, Thái Lan,Ấn Độ, Hồi Quốc...để tụng diệt lại tất cả những bản kinh Pali. Đây là một công tác trọng đại không riêng gì Phật Giáo Miến Điện mà chung cho Phật Giáo Thế giới. 3.- Phật Giáo Tích lan.Tích lan cũng là một xứ mà Đạo Phật rất thạnh hành. Đân chúng hầu hết là Phật tử. Số tu sĩ trong nươc rất đông và có ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng cũng như trong chính quyền. Năm năm sau trận chiến Thế giới chấm dứt 1950), cnhính Tích lan là nước đứng ra triệu tập một đại hội Phật Giáo Thế giới gồm trên 500 đại biểu thuộc 26 quốc gia Phật Giáo tại thủ đô Cô Lôm Bô (Colombo). Chính trong đại hội này, tổng hội Phật Giáo Thế giới được thành lập, và một ban chấp hành đã được bầu cử, mà chủ tịch là một vị học giả Phật tử Tích lan, Bác sỹ Malalasekera. 4.- Phật Giáo Thái Lan.Cũng

như Miến Điện, Phật Giáo Thái Lan được xem như quốc giáo, vị Trưởng lão Tăng thống (vua Sãi) là

người cá một ảnh hưởng tinh thần và được tôn trọng hơn cả Quốc Vương. Hiện nay Thái Lan có phỏng chừng trên 20000 ngôi chùa và 200000 tỳ kheo và Sadi. So với hai mươi triệu dân Thái Lan, thì số tu sĩ như thế củng là một tỷ lệ rất cao, cứ 100 người dân thì có một tu sĩ Nhưng cái đà phát-triển vẫn đang còn mạnh, nhiều ngôi chùa đồ sộ đang được xây cất và nhiều thanh niên đang theo tập môn tham thiền trong các thiền viện. Hiện nay, Thủ tướng Thái Lan vừa ra một dự án và đã được toàn thể nội các chấp thuận là thành lập những cơ sỡ thích đáng dành cho các Tỳ kheo ngoại quốc để họ đủ phương tiện đến tu học Phật pháp. 5.- Phật Giáo Cam Bốt: Phật Giáo Cam Bốt từ xưa đã là môỵ quốc giáo. Từ kinh đô cho đến thôn xóm hẻo lánh xa xôi, màu vàng của các ngôi chùa và các tấm y của tu sĩ chói rực khắp nơi. Đời sống đạo lý và đời sống thường nhật của dân gian đã ăn nhịp một cách khăn khít. Củng như ở Miến Điện,ở Thái Lan, ở Cam Bốt cứ mỗi năm vào đầu mùa mưa, các thanh niên

có lệ vào tu ở các ngôi chùa một thời gian, dài hay ngắn tùy thuộc ý nguyện của mình,. Cái tục lệ quý báu này, không chỉ có người thường dân thi hành mà ngay cả các vị vua nữa. Từ ngày thu hồi đọc lập, Chính phủ Cam Bốt đặc biệt chú tâm phát-triển và chấn hưng Phật Giáo. Theo gót các nước đàn anh Phật Giáo, Cam Bốt cũng vừa tổ chức tại Nam Vang đại hội Phật Giáo Thế giới lần thứ VI và nhiều thành quả tốt đẹp đã thu được trong kỳ đại hội này. Trên đây là đại khái về phong trào chấn hưng và phát triển Phật Giáo ở các phái theo Tiểu Thừa hay Nam tôn. Tiếp theo đâ, chúng ta sẽ nhận xét phong trào chấn hưng và phát triển Phật Giáo ở các nước theo Đại Thừa hay Bắc tôn. II.- Sự Chấn Hưng Phật Giáo Ở trung Hoa Và các Nước Lân Bang: 1.-Phong trào chấn hưng Phật Giáo ở Trung Hoa:

Như chúng ta đã biết, vào cuối đời nhà Thanh, Phật Giáo ở Trung Hoa đã suy đồi rất nhiều: Mê tín dị đoan đã thâm nhập một cách trầm trọng vào các thiền môn. Tăng ni, cũng như tín đồ ít ai hiểu rõ giáo lý cao siêu của đức Phật, nên Phật Giáo cũng bị người ta liệt vào hành các tà đạo có nguy hại cho đời sống xã hội quốc gia. Ảnh hưởng của văn minh Tây âu bắc đầu vang dội trong nước. Một phong trào rọng lớn bài trừ mê tín dị đoan nổi dậy trong tòan quốc. Các chùa chiên phần nhiều bị đổi ra làm trường học hoặc các việc công ích xã hội khác ! May sao, một số học giả Trung Hoa có tinh thần quốc gia, nhận thấy phải làm một cuộc thnh lọc trong nền văn minh Đông phương,để chọn những cái hay thì giũ lại,và những cái dỡ thì bỏ đi. Sau cuộc tìm tòi, tra cứu ấy, các nhà nghiên cứu đồng thanh tán dương giá trị chân chính cao siêu của Phật Giáo. Từ khi cách mạng Tân Hợi (1912) nổi lên lật đổ nhà Thanh và lập nên Dân quốc, thì phong trào học và nghiên cứu Phật Giáo càng tăng.

Nhờ thế Phật Giáo trở nên thịnh hành và phát triển mạnh. Trong mấy năm đầu của nền Dân quốc có Ngài Kỉnh Sơn cùng các đồng chí sa môn và cư sĩ dứng lên sáng lập Trung quốc Phật Giáo Tổng hội. Các cư sĩ ở Thượng Hải cũng lập Phật Giáo cư sĩ lâm, Phật Giáo tịnh nghiệp xã. Về sau các vị Tăng giàvà cư sĩ tiếp tục mở ra ở nhiều nơi những Phật học viện, hay những giảng đường như: Giảng đường chùa quán tôn ở Ninh

Ba (Chiết Giang) do ngài Đế Nhàn pháp sư chủ giảng; ở vũ xương (Hồ Bắc) có Phật học viện do ngài Thái Hư Pháp sư chủ giảng; ở Giang Tô có Hoa Nghiêm học viện, ở Nam Kinh có Nội học viện do Âu Dương Vĩnh Vô chủ giảng. Cùng một lần với sự thành lập các Phật học đường nói trên, nhiều tạp chí Phật Giáo của nhóm nghiên cứu đã được xuất bản ở khắp nước để hoằng dương giáo nghĩa như Phật học tùng báo, Hải triều âm, Cư sĩ lâm san, Tịnh nghiệp nguyệt san, Chi na nội học, Oai âm, Vi Diệu Thanh, Phật Giáo Tân văn...

Trong số các vị đề xướng phong trào chấn hưng Phật Giáo ở Trung Hoa, người đã có công đức và ảnh hưởng lớn nhất là Ngài Thái Hư pháp sư. Pháp sư là một vị cao Tăng học rộng, hiểu nhiều và rất hăng hái với các hoằng dương chánh pháp. Ngài đã đi giảng về Phật pháp khắp nơi trng nước và sang tận Âu Mỹ để giới thiệu Đại Thừa Phật Giáo cho người Tây Phương. Ngài viết rất nhiều sách nói về đạo Phật và đứng chủ trương tờ Hải triều âm là một tạp chí rất có giá trị. Những hoạt động Phật sự của Ngài không những chỉ gây ảnh hưởng lớn lao quý báu cho Phật Giáo Trung Hoa mà còn lan rộng ra các nước lân bang như Việt-Nam, Nhật Bản và sang tận đến Âu Mỹ. 2.- Phật Giáo ở Nhật Bản: Nhật Bản chịu ảnh hưởng của Đại-thừa Phật Giáo Trung Hoa truyền sang từ lâu đời, và là nước có một nền Phật Giáo mạnh nhất trong các nước theo Đại-thừa. Ngoại trừ một số người theo đạo và Thiên Chúa Giáo, còn đa số dân chúng đếu là Phật tử thuần thành. Chùa chiền được các đời vua chúa trong quá khứ xây dựng rất nhiều khắp trong nước, và ngày nay các

thắng cảnh có tiếng nhất ở Nhật Bản đều là những danh lam. Người Nhật lấy làm hãnh diện về kiến trúc và vẽ đồ sộ của danh lam ấy lắm, cho nên người khách ngọai quốc nào đến nước Nhật cũng được đem giới thiệu các cảnh chùa chiền trước hết. Về phần giáo lý thì Đạo Phật ở Nhật cũng chia ra làm nhiều Tôn phái như ở Trung Hoa. Nhưng các Tôn được thịnh hành nhứt là Thiên Tôn, Pháp Hoa Tôn và Pháp Tướng Tôn . Đạo Phật Nhật Bản trong quá khư đã có một thành tích rất vẽ vang mà hiện nay vẫn còn rực rỡ. Trong buổi giao thời tiếp xúc với Âu Tây, trong khi Đạo Phật ở các nước Á Đông đều có một giai đoạn suy đồi, thì Đạo Phật ở Nhật Bản vẫn giữ đượcuy thế của mình trong toàn quốc. Và ngày nay, với một tinh thần biết dung hòa cải tiến, biết tồn cổ mà cũng biết nghinh tân, nên Đạo Phật Nhật Bản vẫn đi theo kịp cái đà tiến bộ chung của toàn quốc và giữ giềng mối cho luân thường đạo đức ở trong nước. Chúng ta chắc rằng rồi đây, sau khi các nước Phật Giáo ở Á Châu được dịp tiếp xúc và thông cảm với nhau nhiều hơn nữa, thì Nhật Bản sẽ là nước

xứng đáng đứng ra lãnh nhiệm vụ lãnh đạo phong trào Phật Giáo Thế Giới. III.- Sự Truyền Bá Phật Pháp Ở các Nước Châu Mỹ Từ khi tiếp xúc với Á Châu, người Tây phương bắt đầu khảo cứu nền văn minh cổ của châu này và khám phá ra rằng văn hóa Á Châu không phải tầm thường như họ lầm tưởng lúc đầu, mà trái lại có nhiều điểm quý giá cần học tập. Trong kho tàng quý báu ấy, Đạo Phật đã phát chiếu ra nhiều hào quang rực rỡ. Do đó, các học giả Tây phương đã đổ xô sang nghiên cứu giáo-lý nhà Phật và đã viết rất nhiều tác phẩm về đạc Phật. Dần dần Đạo Phật không còn xa với quần chúng Âu Mỹ nữa. Mở đầu phong trào học Phật là những học giả người Anh, tiếp xúc

nhiều với Á châu. Sau đó, họ thành lập những hội Phật học và xuất bản những tạp chí nói về Phật pháp. Những hội này có rất đông hội viên thực hành rất hăng hái . Hiện nay ở Âu châu và Mỹ châu hầu hết các nướcđều có hội Phật- học, báo chí truyền bá Phật -pháp, những chùa hay thiền- viện để các tín đồ hay hội viên đến tập tham thiền. Có người sang ngay ở các

nước Phật Giáo Á châu như Ấn Độ, Tích lan, Thái -lan để xuất -gia cầu đạo. Trong các đại hội Phật Giáo thế giới Phật -tử Âu- Mỹ đều có đại diện của họ và đã tỏ ra là những Phật -tử thuần -thành. Nhũng bằng chứng cụ thể trên, cho phép chúng ta hy vọng rồi đây đạo Phật sẽ bành trướng mạnh mẽ ở Âu -Mỹ và đem lại cho các dân tộc ấy một nguồn an lac mà họ không tìm thây ở nền văn minh cơ khí họ đã sáng tạo ra. IV.-Các Đại Hội Phật Giáo Thế Giới Nhân loại càng tiến bộ, sự giao thông càng dễ dằng mau lẹ, thì các dân -tộc trên thế giớ không còn lạ lùng xa caách với nhau nưã. Đạo Phậtngày nay đã thành một tôn giaó có tầm hoạt động khắp thế giới, thì người Phật -tử, dù ở chân trời nào cũng vẫn là anh em một nhà, cùng thờ môột bậc thầy chung là đức Bổn- Sư Thích - Ca Mâu- Nhiều. Ýĩniệm thống nhất những hoạt động và những tổ chức Phật Giáo đã manh nha từ trước trận thế chiến thứ II mới thực hiện được.

Đại hội Phật Giáo thế giới đầu tiên đã được triệu tập vào năm 1950 tại Cô- Lôm -Bôm, kinh đô Tích -lan, gồm gần 500 đại biểu của 26 quốc gia và tổ chức Phật Giáo trên thế giới Đại hội ấy đã đặt nền tảng cho tổng hội Phật Giáo thế giới và đã bầu ra một ban chấp hành chung cho cả thế giới Phật Giáo. Một nội quy của tổng hội đã được biểu quyết và trụ sở của văn phòng ban chấp hành đã đặt ở Cô- lôm- bô. Sau đại hội vài tháng, bác sĩ Malaláekera chủ tịch Tổng hội đã đi thăm các nước Phật Giáo hội viên, và hai tờ tạp chí Phật Giáo của Tổng hội được phát hành trên thế giới là tờ:New Letter và The Buddhist World. Từ đại hội đâù tiên ấy đến nay, cứ hai năm lại có một đại hội khác, mà địa điểm tuần tự thay đổi như sau: -Năm 1952, đại hội kỳ II, họp tại Tokyo, kinh- đô nhật -bản , mà mục tiêu chính là quyếtđịnh thống nhất hoạt động và cac hình thưc Phật Giáo trong các nước hội viên. Năm 1954, đại hội kỳ III họp tại Rangoon, kinh đô Miến -Điện, cùng một lần với đại hội

kết tập Tam tạng kinh điển kỳ thứ VI, từ khi đức Phật nhập diệt đến nay. Năm 1956, đại hội thứ IV họp tại Kathmandu , thủ đô Népal , nơi đức Phật đã giáng sinh, nội dung của đại hội này là thảo luận về văn hoá Phật Giáo: triết -lý, văn chương, nghệ -thuật.. Năm 1958, đại hội kỳ thứ V họpủ tại Bangkok, kinh đô Thái -lan, mà chương trình nghị sự la ụduyệt lại bản nội quy của Tổng hội Năm 1961, đại hội kỳ thư VI họp tại Nam vang, kinh đô Cam- bốt. Trong đại hội này, 21 quyết -nghị đã được chấp thuận, trong ấy có nhiều quyết nghị rất quan trọng như vấn đề phát triển văn hòava giáo lý trong các nước Phật Giáo, thành lập một học viện Phật GiáoÁ châu, nhằm mục đích tương trợ, cung cấp tin tức và tài liệu, huấn luyện cán bộ các nghành hoạt động của Phật Giáo bảo vệ hòa bình thế giới và tín đồ Phật Giáo v.v.. Ngoài những đại hội có tính cách thường kỳ nói trên, các nước Phật Giáo Á châu còn thi nhau tổ chức rất trọng thểvà có mời đại biểu quốc tế đến dự những lễ kỷ niệm 2.500 năm đức

Phật nhập niết bàn, như ở Ấn Độ, Nhật -bản, Tích lan, Miến-Điện v.v.. V.-Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo Ở Việt Nam 1.-Sự phát triển của phong- trào ở Nam, Trung, Bắc.- Noi gương thế giới, và nhất là Trung -Quốc, một phong trào chấn hưng Phật Giáo đã nỗi lên tại Việt nam vào khoảng năm 1920. Lúc đầu chỉ là những cố gắng lẻ tẻ của một số quý vị Tăng già lão thành trong nước, mong giữ lại một ít giềng mối của đạo.Ở Bắc có sư cụ Vĩnh Nghiêm(Thanh Hạnh) sư cụ Tế Các (Phan Trung Thứ) sư cụ Bằng Sở (Dương Văn Hiển); ở trung có Ngài Tâm -Tịnh , Ngài Huệ Pháp, Ngài Phước -Huệ; ở Nam có Ngài Khánh -Hòa, Ngài Huệ Quảng, Ngài Khánh Anh, lại có sáng kiến mở trường dạy một số đệ tử với mục đích gây giống đạo pháp cho thế hệ sau. Đồng thời, các học giả có tiếng tăm trong nước như ông Phạm Quỳnh, cụ Trần -Trọng -Kim ..cũng có viết nhiều bài nghiên cứu về giáo lý đạo Phật rất có giá trị.

Tuy nghiên, phải đợi đến năm 1931, những cố gắng lẻ tẻ trên mới kết hợp thành lực lượng có tổ chức. Đầu tiên một hội Phật học được thành lập tại Sài gòn lấy tên là Nam Kỳ nghiên cứu Phật học; kế đó là hội Lưỡng Xuyên Phật học. Những vị có công khởi xướng cái tên hội này là Khánh Hòa, Ngài Huệ Quang, Ngài Khánh Anh cùng một số quý vị Tăng già và Cư sĩ tân tiến. Năm 1932, ở Trung kỳ các Ngài Giác Tiên, Phước Huệ và một nhóm Cư sĩ Tân Hồng mà đứng đầu là đạo hữu Tâm Minh Lê Đình Thám đã thành lập Phật học hội mà hội quán là chùa Từ Đàm. Năm 1934, ở Bắc kỳ có thượng tọa Tố Liên, thượng tọa Trí Hải, cụ Nguyễn Năng Quốc, Trần Trọng Kim cùng một số quý vị Đại đức và Cư sĩ lập ra Phật giáo Tổng Hội. Những hội trên đây đều có mục đích và chương trình hoạt động giống nhau: Chỉnh đốn Thiền môn, vãn hồi quy giới, đào tạo một thế hệ thanh niên tu sĩ chân chính, hữu học và hoằng dương chính pháp.

Để đạt được mục đích trên, các hội đều mở đạo trường cả. Ơí Bắc, có trường Tăng học ở chùa Quán sứ, trường nhiều ở chùa Bồ đề; ở Trung có Phật học viện chùa Tây Thiên và chùa Bảo Quốc, trường Ni ở chùa Diệu Đức; ở Nam có Phật hoc viện Lưỡng Xuyên (Trà Vinh) trường Ni ở chùa Vĩnh Bửu (ở Thơm). Ngòai ra, các hội còn xuất bản những tạp chí để hoằng dương Phật pháp, như tờ Đuốc Tuệ ở Bắc, tờ Viên âm ở Trung, tờ Pháp âm, tờ Từ bi âm, Duy Tâm ở Nam. Những hội này được tín đồ nhiệt liệt hưởng ứng và bành trướng rất mau lẹ, chẳng bao lâu mỗi tỉnh trong nước đều có chi nhánh của hội. Nhờ sự hưởng ứng ấy mà các hội đã xây dựng thêm cơ sở , mở mang thêm nhiều Phật học viện, xuất bản thêm kinh sách, báo chí. Nhưng trong khi phong trào chấn hưng Phật Giáo đang lên, thì trận thế chiến thứ 2 bùng nổ và tiếp theo là trận chiến tranh Việt-Pháp làm gián đọan các sự hoạt động của các hội Phật học trong nước. 2) Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam.

Đến năm 1948, mặc dù chiến tranh Việt-Pháp chưa ngưng tiếng súng, nhưng vì nóng lòng vì Đạo pháp và để đem lại cho đồng bào một niềm an ủi trong cảnh tang thương chết chốc do chiến tranh gây ra, những nhà lãnh đạo Phật Giáo ở trong các vùng bị quân đội Pháp chiếm đóng, tích cực hoạt động để chỉnh đốn để phát triển những cơ sở của các hội đã bị chiến tranh tàn phá. Ở Hà Nội các thượng tọa Tố Liên, Trí Hải với sự giúp đỡ của một nhóm cư sĩ tận tâm vì Đạo, đã làm sống dậy phong trào chấn hưng Phật Giáo và đem lại một sắc thái mới, chú trọng nhiều về các công tác từ thiện và xã

hội, như lập cô nhi viện, tư thục, các cơ quan từ thiện cứu trợ nạn nhân chiến tranh. Ở Huế cũng vậy, quý vị Tăng già và một nhóm cư sĩ đã hợp tác chặt chẽ để sữa sang lại các ngôi chùa đã bị đỗ nát vì chiến tranh, đứng lên qui tụ những tín đồ và hội hữu đã tản mác vì thời cuộc, lập lại các tỉnh hội, các khuôn hội Phật học và đặc biệt phát triển nghành gia đình Phật tử là một tổ chức giáo dục thanh, thiếu niên

Phật tử, để làm hậu thuẩn cho Phật Giáo ngày mai... Ở Việt-Nam các vị Tăng già và cư sĩ chung nhau thành lập hội Phật học Việt-Nam. mặc dầu ở trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, các hội nói trên đã phát triển một cách mau lẹ, mạnh mẽ và được sự tín nhiệm của đồng bào nói chung, và nhất là của giới tín đồ Phật tử nói riêng. Trong khoảng vài năm, các hội ấy đã xây dựng thêm được nhiều hội quán, mở nhà in, phòng phát thuốc, thư viện, phát hành các cơ quan ngôn luận, kinh dịch ... Đồng thời với các hội nói trên, các giáo hội Tăng già cũng tuần tự được tổ chức có qui cũ, tập trung được nhiều vị tăng tài, có thực tu; thực học và do đó đã gây được sự tín nhiệm lớn trong hàng Phật tử và lấy lại cái địa vị và trọng trách lãnh đạo tín đồ mà đức Phật đã giao phó. Các hội cư sĩ và các Giáo hội Tăng già đã được chỉnh đốn và có thực lực ở Bắc, Trung, Nam ba miền, nhưng chưa có cơ hội thuận tiện để thống nhất ý chí và hành động, mặc dù ý

niệm thống nhất đã manh nha từ lâu trong đầu óc những nhà lãnh đạo Phật Giáo. Nhưng cái gì phải đến, sẽ đến. Ngày 6-5-1951 một đại hội toàn quốc đã được triệu tập tại chùa Từ Đàm ở Huế, gần 51 đại biểu Tăng già và cư sĩ của 6 tập đoàn ở ba miền (3 tập đoàn Tăng già và 3 tập đoàn cư sĩ) để thành lập "tổng hội Phật Giáo Việt-Nam " và bầu ban chấp hành Trung ương cho hội Phật Giáo toàn quốc, hay ban "quản trị Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam ". Hiện nay, Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam là đoàn thể quan trọng nhất ở Việt-Nam có tổ chức chặt chẽ hơn hết, theo đúng tinh thần của đạo Phật và qui tụ trên một triệu hội viên. Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam cũng là hội viên sáng lập của Tổng hội Phật Giáo Thế giới, thành lập năm 1950 tại Columbo và đã cử đại biểu đi tham dự tất cả các khóa họp của Tổng hội Phật Giáo Thế giới. Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam gồm các ngành hoạt động sau đây: Hoằng Pháp, Giáo dục, Văn mỹ nghệ, Thanh niên, Nghi lễ, Từ thiện xã hội...(1) C.-Kết Luận:

Từ thừa đức Từ phụ nhập Niết bàn đến nay đã trên 25 thế kỷ rồi mà mặt trời chánh pháp, mặc dù đôi khi bị đám mây đen lướt qua, nhưng vẫn chiếu sáng toàn cõi đại địa. Riêng ở Việt-Nam đã được ánh sáng ấy chiếu đến gần 20 thế kỷ. Trong lịch sử Việt-Nam, những giai đoạn Phật Giáo thịnh hành là quốc gia được tự chủ, độc lập và hùng cường. Ngày này Phật Giáo Việt- Nam đã được phục hưng, ánh lại rực rỡ thêm. Đây là tin lành báo trước cho dân tộc Việt-Nam. Chúng ta tin chắc với cái đà tiến triển như hiện nay, phong trào Phật GiáoThế giới nói chung và Phật Giáo Việt-Nam nói riêng sẽ còn dâng cao, bủa rộng hơn nữa. Chúng ta có đủ lý do để tin tưởng như vậy, vì Phật Giáo không trái với khoa học ngày nay, mà còn là một nguồn an ủi, một suối yêu thương rất cần thiết cho nhân loại. (1):Tập sách này soạn trước khi Giáo hội Phật Giáo Việt-Nam thống nhất ra đời

Phụ lục Chùa Một Cột

Vị trí: Phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội. Đặc điểm: Chùa có kiến trúc độc đáo, được tạo dáng như một bông sen cách điệu từ dưới nước vươn lên. Chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu (phúc lành dài lâu) được xây dựng vào năm 1049 thời vua Lý Thái Tông. Tương truyền khi ấy vua Lý Thái

Tông đã cao tuổi mà chưa có con trai nên nhà vua thường đến các chùa để cầu tự. Một đêm ông chiêm bao thấy Đức Phật Quan Âm hiện lên đài hoa sen ở một hồ nước hình vuông phía tây thành Thăng Long, tay bế đứa con trai trao cho nhà vua. Ít lâu sau hoàng hậu sinh con trai. Nhà vua cho dựng chùa Một Cột có dáng dấp như đã thấy trong giấc mơ để thờ Phật Quan Âm. Chùa Một Cột là một Quốc tự, liên quan tới vua sáng lập triều Lý, được xây dựng gần khu vực Tử Cấm thành, hàng tháng cứ rằm, mồng một vua đến đặt lễ cầu phúc. Theo sử sách, chùa được xây lần thứ nhất năm 1049: "Mùa đông tháng 10 dựng chùa Diên Hựu. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy vua nói với bề tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm toà sen của phật Quan Âm như đã thấy ở trong mộng. Cho các nhà sư đi xung quanh tụng kinh cầu nhà vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu (phúc lành dài lâu). Năm 1070 mùa xuân tháng giêng năm Thần Võ thứ 2, vua viết chữ Phật dài 1 trượng 6 thước khắc vào phiến đá".

Lần xây dựng thứ hai vào năm 1105, vua tu bổ chùa Diên Hựu: "Mùa thu tháng 9 làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu... Bấy giờ vua chữa lại chùa đẹp hơn chùa cũ, đào hồ Liên Hoa Đài gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ". Bích trì đều bắc cầu vồng để đi qua. Trước sân chùa xây Bảo Tháp. Trước khi vào chùa còn có một phương đình bằng đá xanh cao 8 trượng (khoảng 26m) trước cổng chùa. Chùa là một cụm kiến trúc bề thế, có ý tưởng độc đáo và thẩm mỹ đẹp đã bị chiến tranh tàn phá, trở thành um tùm rậm rạp thời giặc Minh". Thông qua nhiều tài liệu cổ cho biết chiếc cột thần kỳ cao tới 20m, trong đó có bia Sùng Diện Linh ở chùa Long Đọi Nam Hà do Binh bộ thượng thư Nguyễn Công Bật viết đã mô tả và ghi chép tỷ mỷ việc xây tiếp chùa Một Cột: "Mở cửa chùa Diên Hựu tại vườn tây. Dấu vết theo quy mô thủa trước, lo toan Thánh ý ngày nay. Đảo hồ thơm Linh Chiểu, giữa hồ trồi lên cột đá. Trên cột đá có một cánh hoa sen ngàn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đền đỏ sẫm. Trong đền đặt pho tượng sắc vàng, ngoài hồ có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại

có hồ Bích Trì, bắc cầu cong đi lại, ở sân trước hai cầu bên tả hữu xây bảo tháp lưu ly...". Đây là một công trình kiến trúc sáng tạo kết hợp không gian kiến trúc có nhịp điệu cao thấp gồm điêu khắc đá, hội hoạ, chạm vẽ hành lang, mặt nước là biểu tượng văn hoá, nghệ thuật cao, tính dân tộc đậm nét. Chùa đã bị huỷ hoại, xây dựng lại nhỏ hơn so với nguyên mẫu, nhắc lại ở đây một thời đã có một cụm kiến trúc độc đáo. Hiện nay chùa Một Cột được khách thập phương trong và ngoài nước tới cầu nguyện và tham quan.

Source:

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.